

# Lab 5 - Triển khai các dịch vụ trên Windows Server

GVHD: Đỗ Hoàng Hiển

STT	Tên thành viên	MSSV
1	Vũ Ngọc Quốc Khanh	22520661
2	Nguyễn Đức Luân	22520825

## Cấu hình IP

### Cấu hình IP trên server

```
DNS Suffix Search List. . . . . : localdomain

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix . . . . . : localdomain
Description . . . . . : Intel(R) 82574L Gigabit Network Connection
Physical Address. . . . . : 00-0C-29-DB-EC-F5
DHCP Enabled. . . . . : Yes
Autoconfiguration Enabled . . . . . : Yes
Link-local IPv6 Address . . . . . : fe80::dd48:4d62:7e39:cd0d%4(PREFERRED)
IPv4 Address. . . . . : 192.168.51.68(Preferred)
Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
Lease Obtained. . . . . : Wednesday, November 13, 2024 7:57:22 AM
Lease Expires . . . . . : Wednesday, November 13, 2024 8:27:21 AM
Default Gateway . . . . . : 192.168.51.2
DHCP Server . . . . . : 192.168.51.254
DHCPv6 IAID . . . . . : 67111977
DHCPv6 Client DUID. . . . . : 00-01-00-01-2E-C7-54-AC-00-0C-29-DB-EC-F5
DNS Servers . . . . . : 192.168.51.2
Primary WINS Server . . . . . : 192.168.51.2
NetBIOS over Tcpip. . . . . : Enabled

C:\Users\Administrator>
```

### Cấu hình IP trên client

```
E DNS Suffix Search List. . . . . : localdomain

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix . . . . . : localdomain
Description . . . . . . . . . : Intel(R) 82574L Gigabit Network Connection
Physical Address. . . . . . . . . : 00-0C-29-A5-36-F7
DHCP Enabled. . . . . . . . . : Yes
Autoconfiguration Enabled . . . . . . . . : Yes
Link-local IPv6 Address . . . . . . . . : fe80::5715:d555:dd08:7940%5(PREFERRED)
IPv4 Address. . . . . . . . . : 192.168.51.210(Preferred)
Subnet Mask . . . . . . . . . : 255.255.255.0
Lease Obtained. . . . . . . . . : Sunday, October 7, 1888 4:35:11 PM
Lease Expires . . . . . . . . . : Wednesday, November 13, 2024 8:33:30 AM
Default Gateway . . . . . . . . . : 192.168.51.2
DHCP Server . . . . . . . . . : 192.168.51.254
DHCPv6 IAID . . . . . . . . . : 100666409
DHCPv6 Client DUID. . . . . . . . : 00-01-00-01-2E-C7-58-D4-00-0C-29-A5-36-F7
DNS Servers . . . . . . . . . : 192.168.51.2
Primary WINS Server . . . . . . . . : 192.168.51.2
NetBIOS over Tcpip. . . . . . . . : Enabled
```

## 1. Cài đặt và cấu hình dịch vụ DNS

## Yêu cầu 1.1

### Đề bài

Sinh viên hãy tìm hiểu và trả lời 2 câu hỏi sau:

DNS là gì?

**Trả lời:** DNS (Domain Name System) là một hệ thống phân giải tên miền, giúp chuyển đổi từ tên miền (ví dụ: [www.example.com](http://www.example.com)) sang địa chỉ IP (ví dụ: 192.0.2.1) mà máy tính sử dụng để giao tiếp với nhau. Nó giống như danh bạ điện thoại của mạng Internet, cho phép người dùng truy cập các trang web hoặc dịch vụ bằng cách sử dụng tên dễ nhớ thay vì các địa chỉ IP phức tạp.

DNS đóng vai trò gì trong hệ thống mạng máy tính?

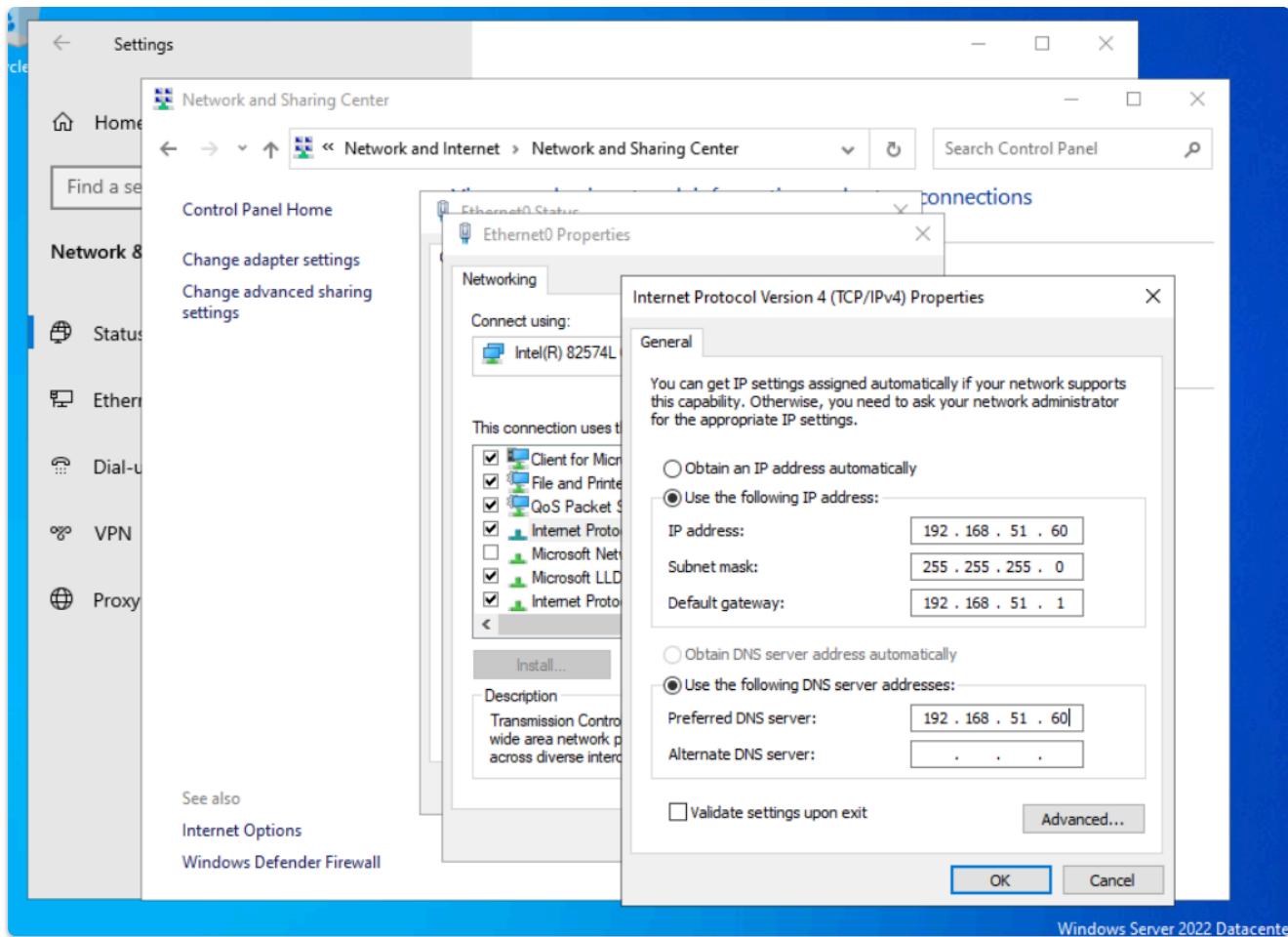
**Trả lời:** DNS đóng vai trò quan trọng trong hệ thống mạng máy tính vì nó giúp đơn giản hóa việc truy cập các tài nguyên mạng. Thay vì phải nhớ địa chỉ IP của một máy chủ, người dùng chỉ cần nhớ và nhập tên miền. DNS giúp phân giải các tên miền thành địa chỉ IP, giúp việc truy cập các trang web, dịch vụ, và tài nguyên khác trên mạng nhanh chóng và thuận tiện hơn. Ngoài ra, DNS còn hỗ trợ tải cân bằng, bảo mật, và có thể phân phối lưu lượng mạng hiệu quả.

## Yêu cầu 1.2

Cài đặt và cấu hình dịch vụ DNS trên Windows Server theo các bước bên dưới.

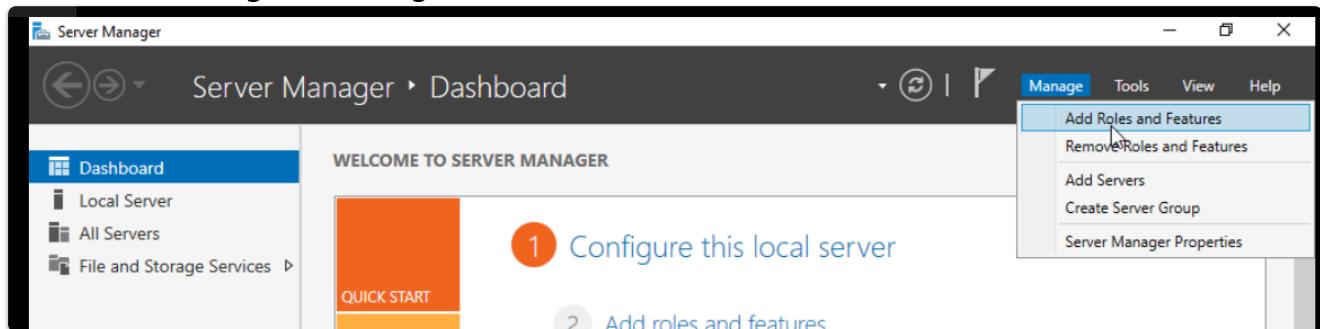
### a) Cài đặt dịch vụ DNS

Bước 1: Tại máy chủ Windows Server, đặt IP tĩnh và thiết lập DNS server cùng với địa chỉ IP của máy.



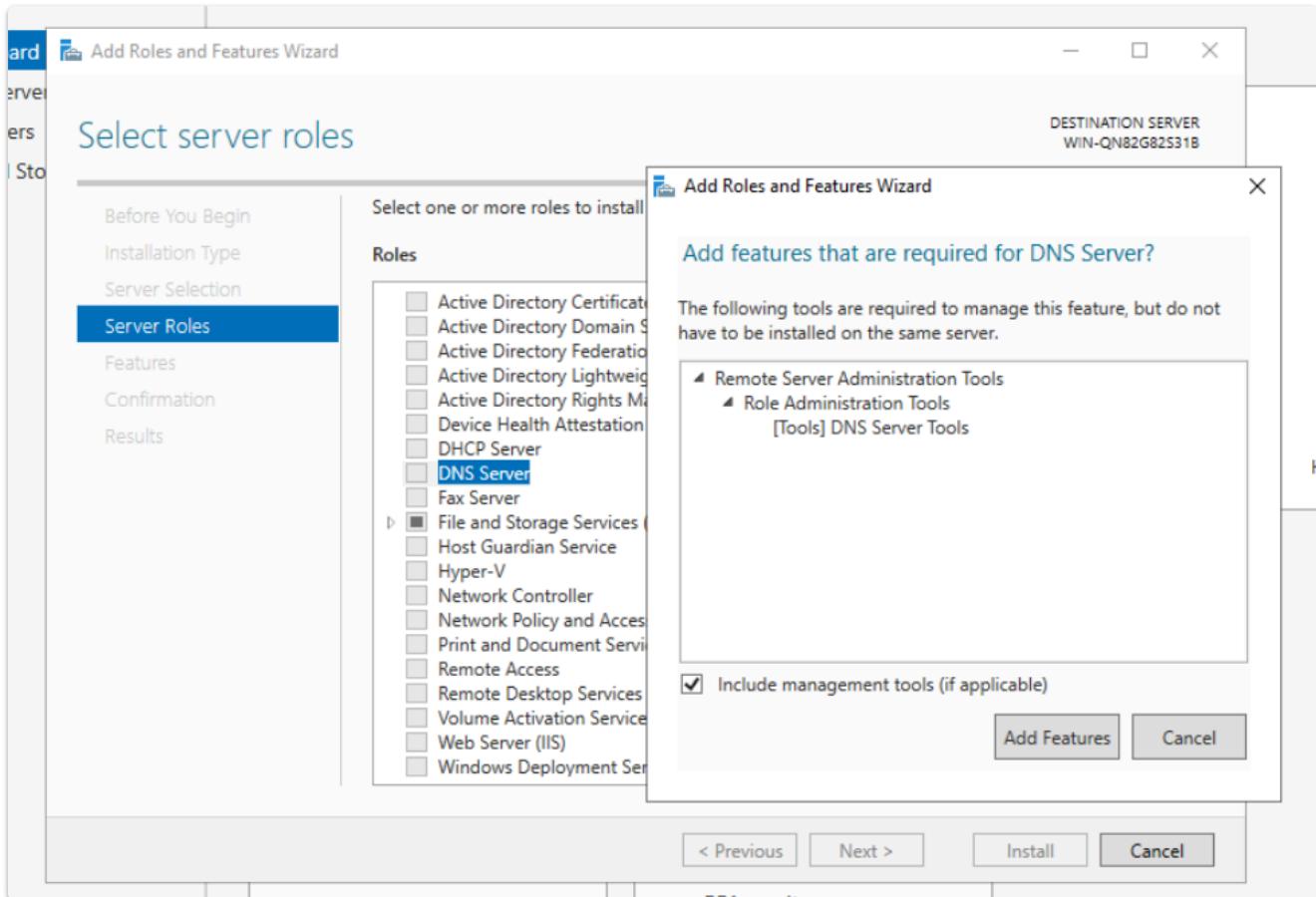
Bước 2: Dịch vụ DNS được tích hợp sẵn trên Windows Server. Vì vậy chúng ta không cần phải download về mà chỉ cần bật dịch vụ lên.

Vào Server Manager > Manage > Add Roles and Features.



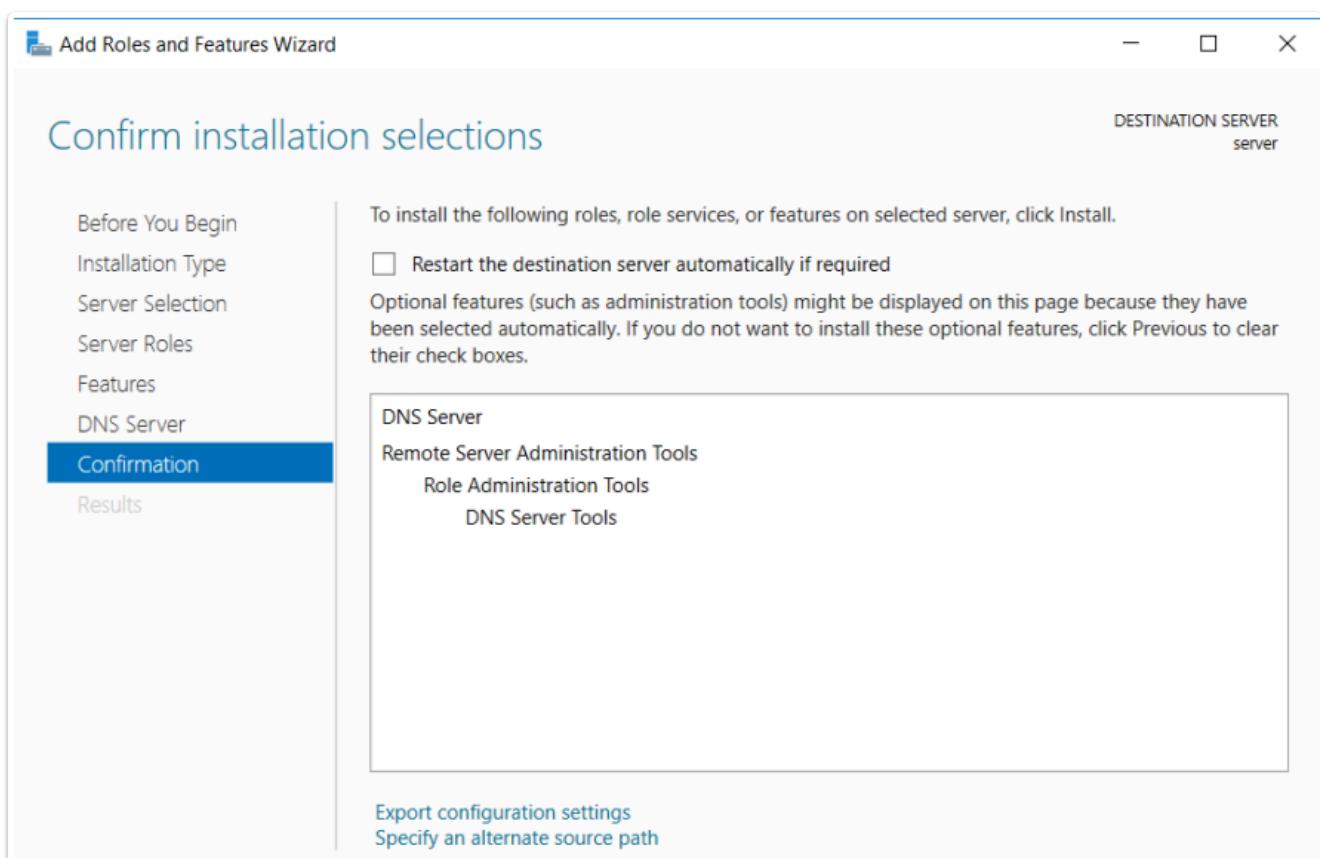
-Chọn Next tại các bước Before You Begin, Installation Type, Server Selection.

-Tại bước Server Roles, chọn DNS Server và click Next.



-Tại bước Features và DNS Server, click Next.

-Tại bước Confirmation, click Install để bắt đầu cài đặt.

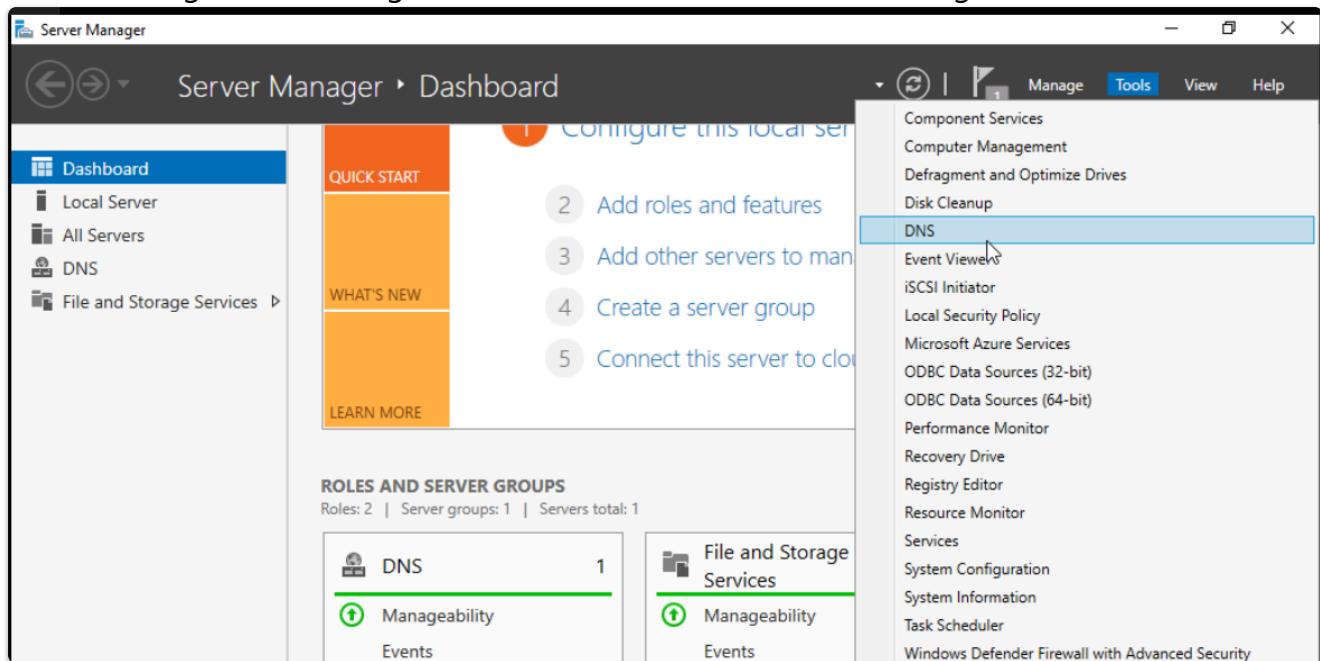


Chờ quá trình cài đặt hoàn tất và click Close.

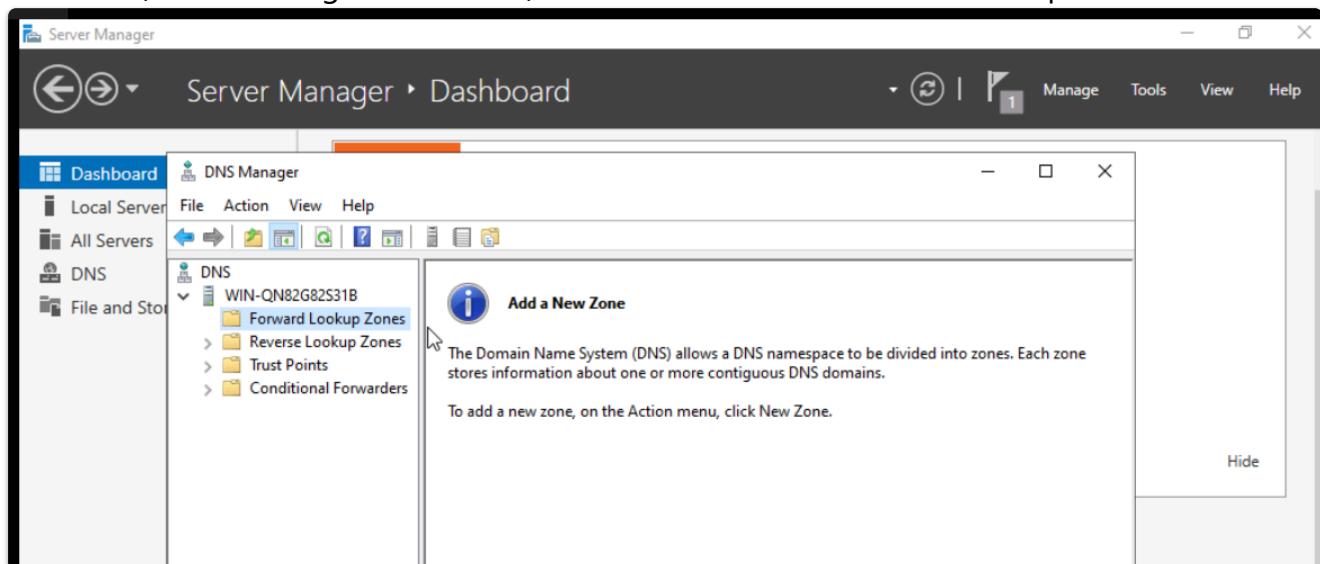
## b) Cấu hình dịch vụ DNS

Các nhóm sử dụng domain nhom13.local để cấu hình cho dịch vụ DNS. Với X là số thứ tự nhóm.

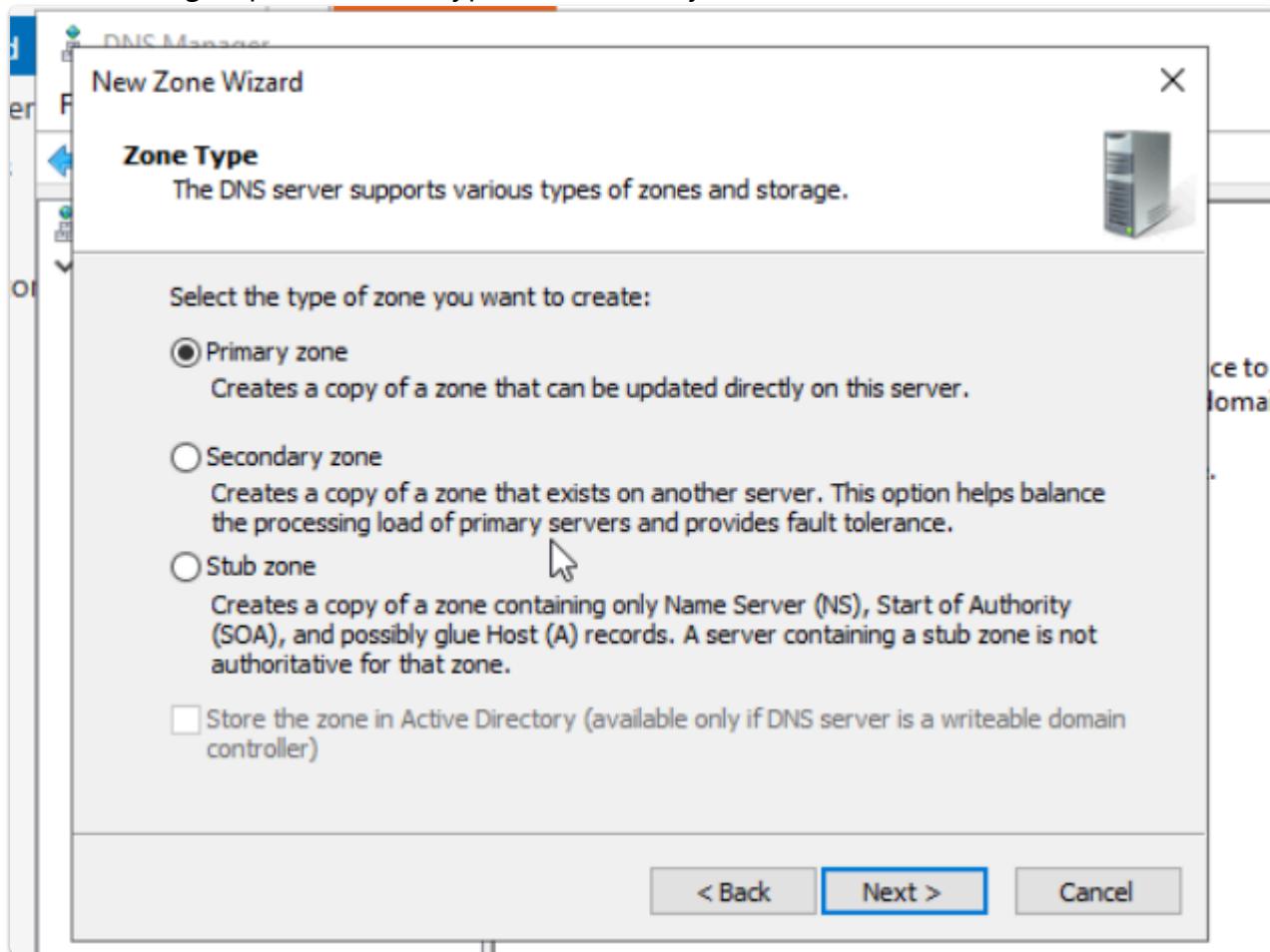
Bước 1: Trong Server Manager, chọn Tool > DNS để vào DNS Manager



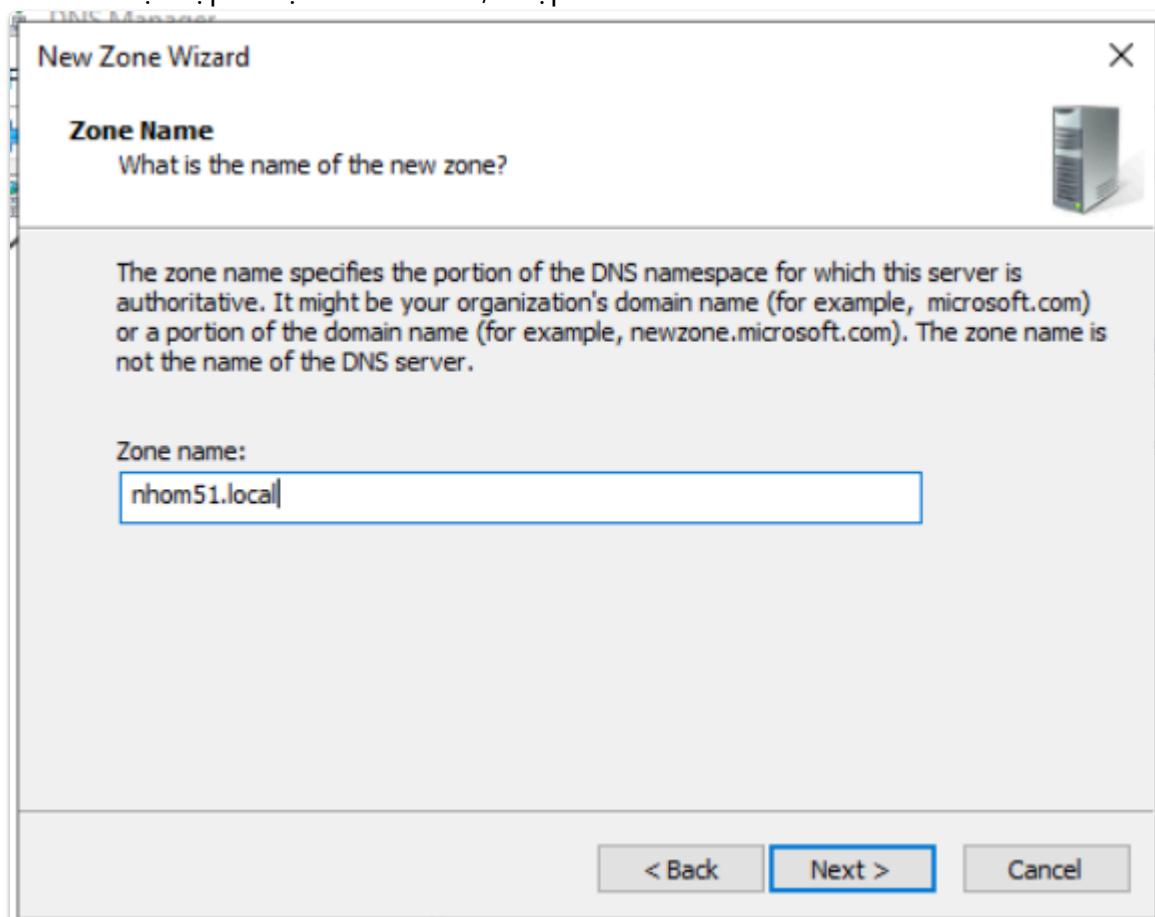
Bước 2: Tại DNS Manager > DNS, chọn New Zone ở nhóm Forward Lookup Zone.



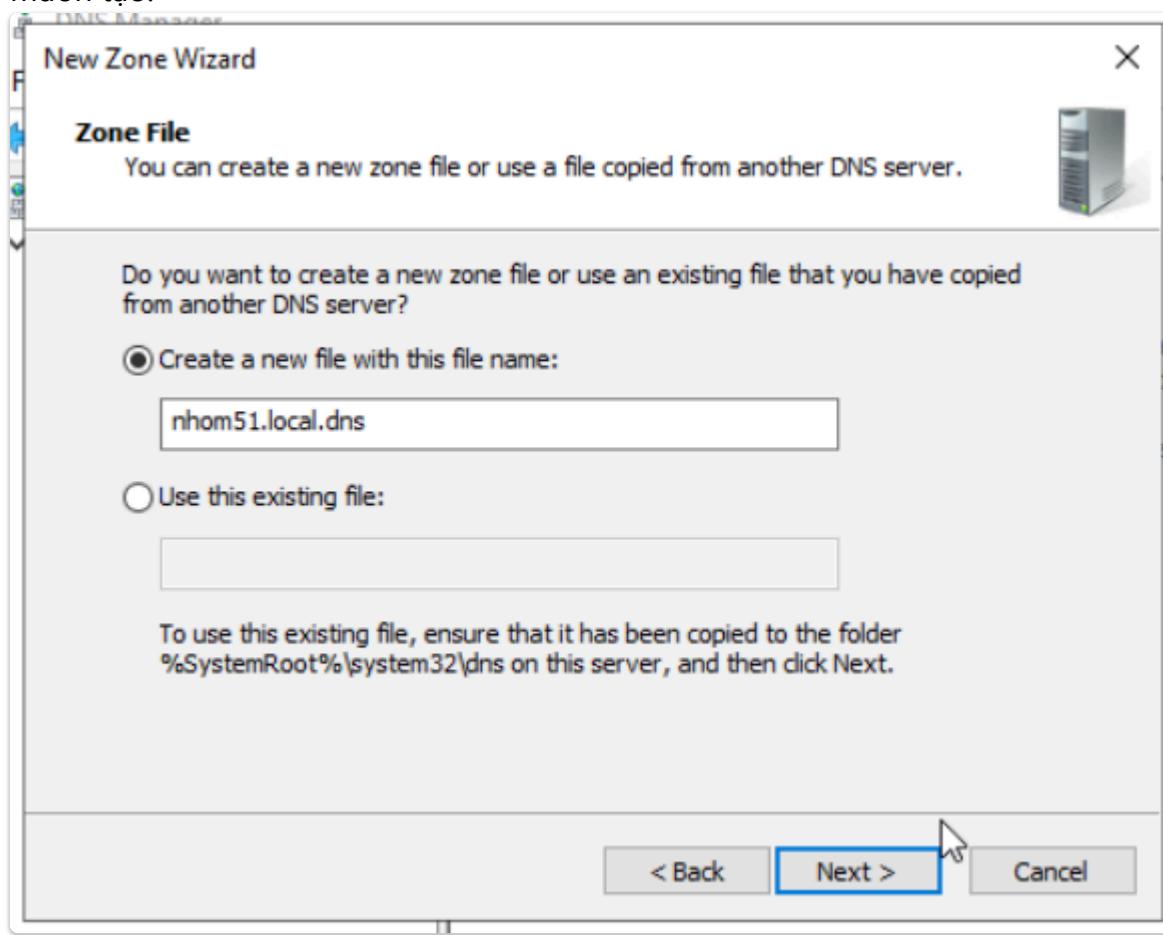
Bước 3: Trong hộp thoại Zone Type, chọn Primary zone.



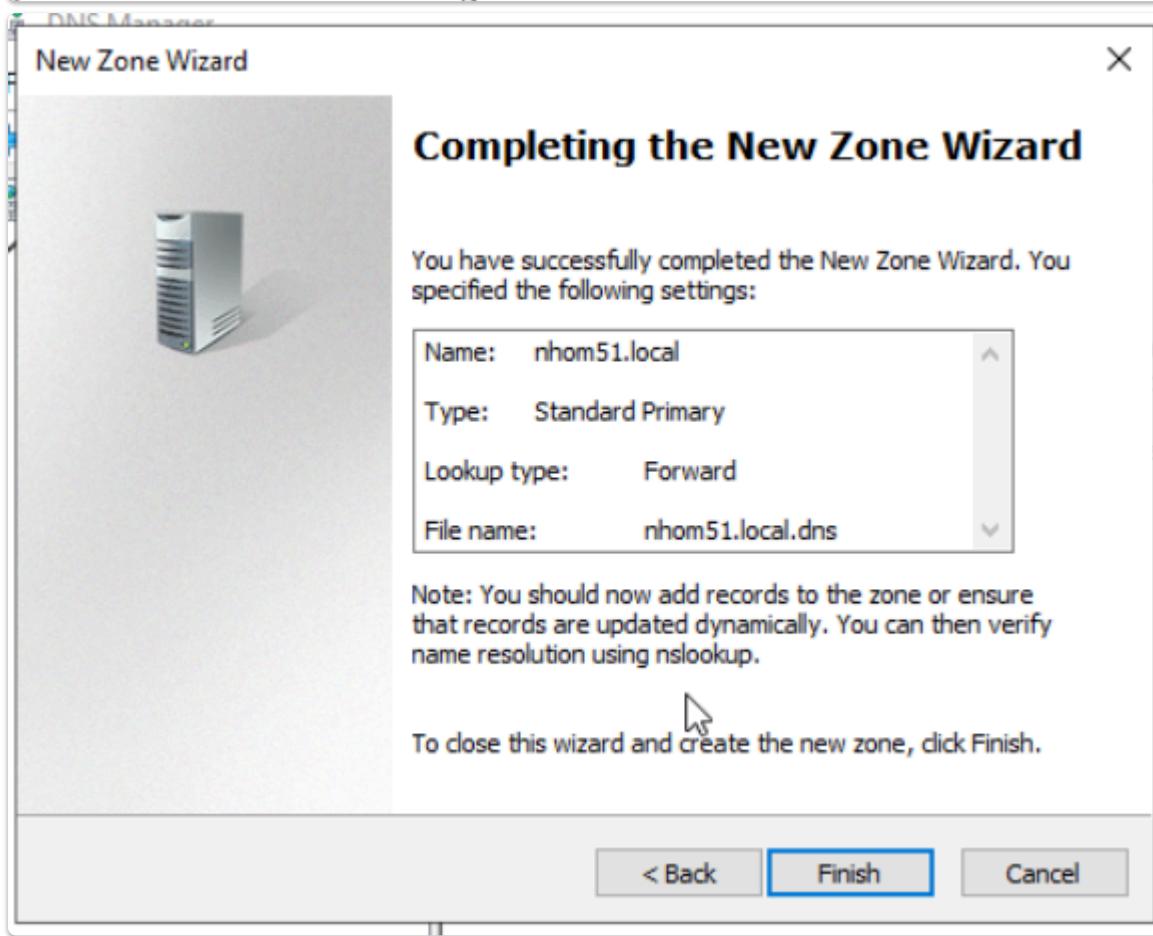
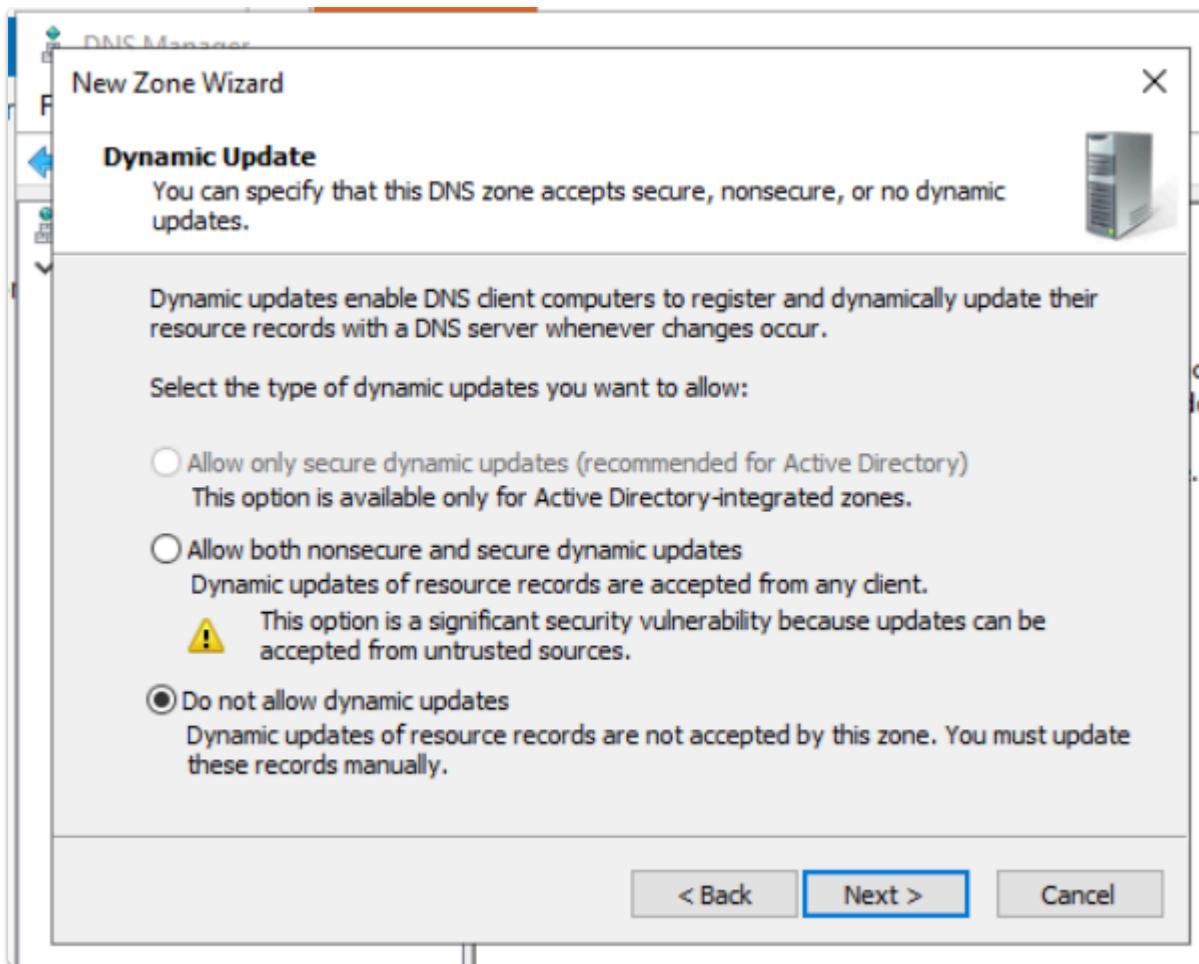
Bước 4: Tại hộp thoại Zone Name, nhập domain của nhóm và click Next.



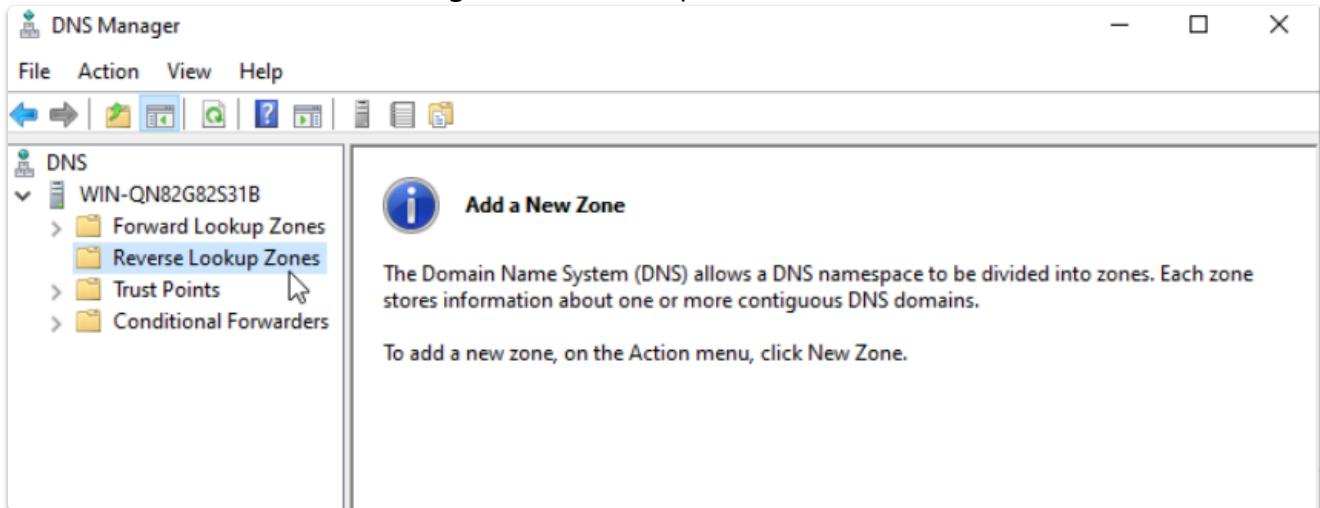
Bước 5: Tại Zone File, chọn Create a new file with this file name và nhập tên file muốn tạo.



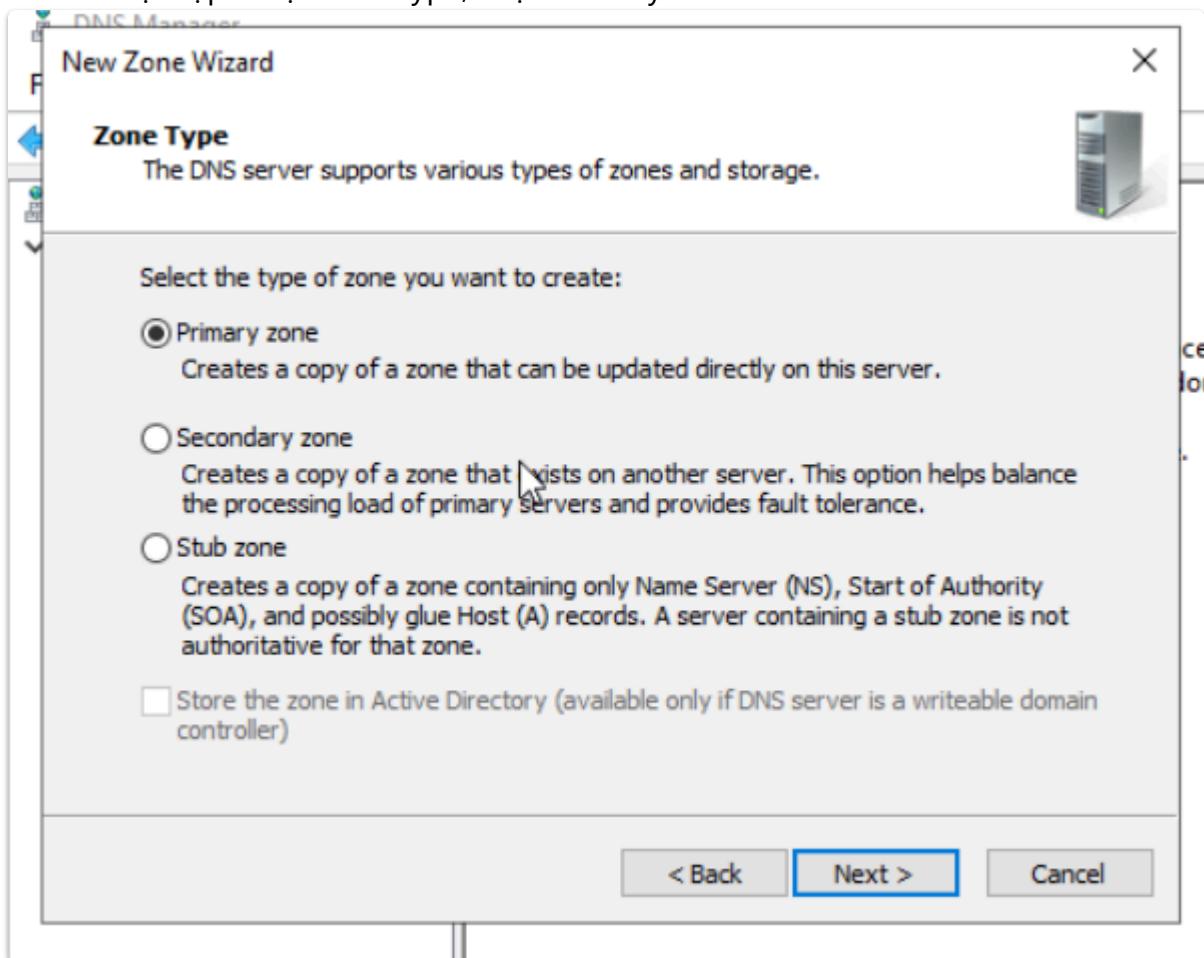
Bước 6: Tại Dynamic Update, chọn Do not allow dynamic updates. Click Next và Finish để hoàn tất.



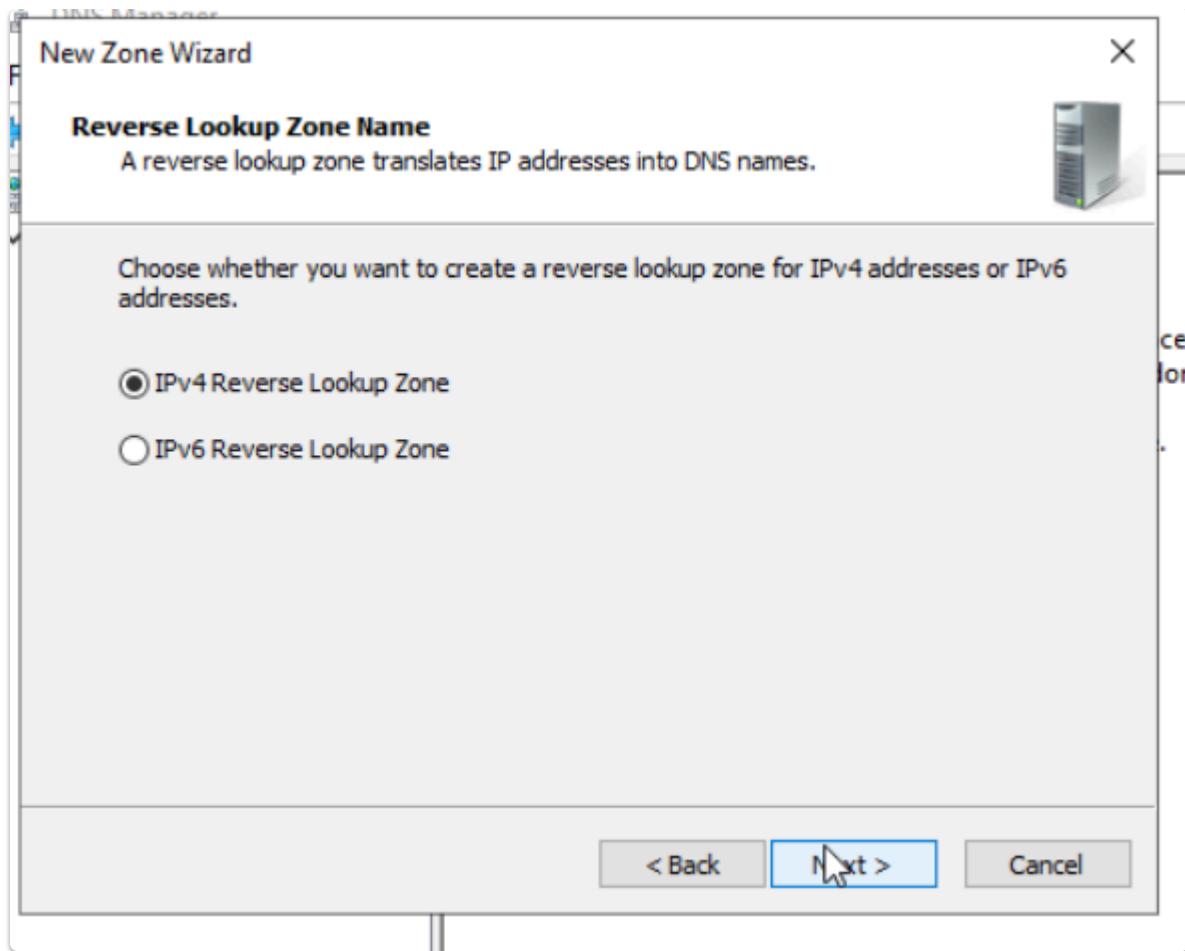
Bước 7: Tạo Reverse Zone. Trong Reverse Lookup Zones, chọn New Zone



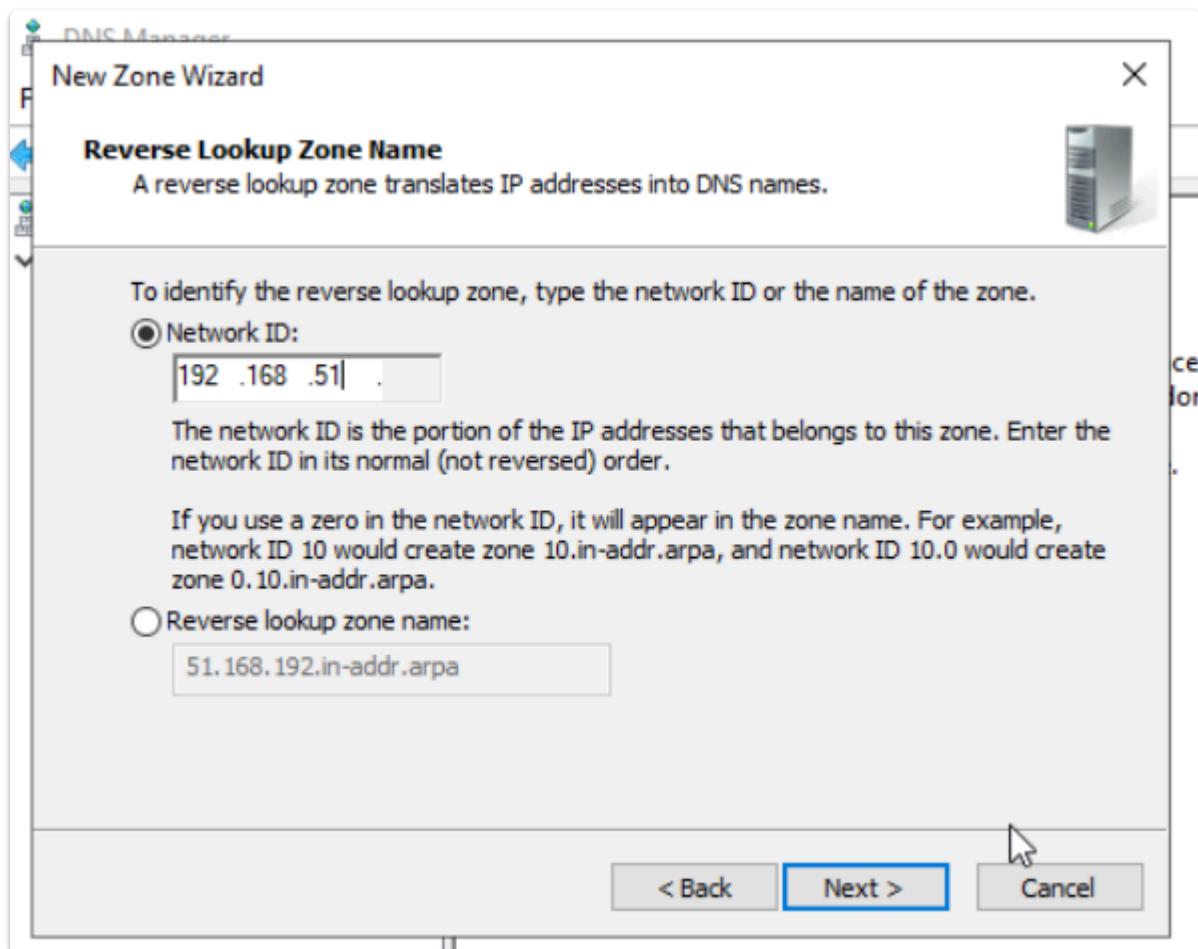
Bước 8: Tại hộp thoại Zone Type, chọn Primary zone.



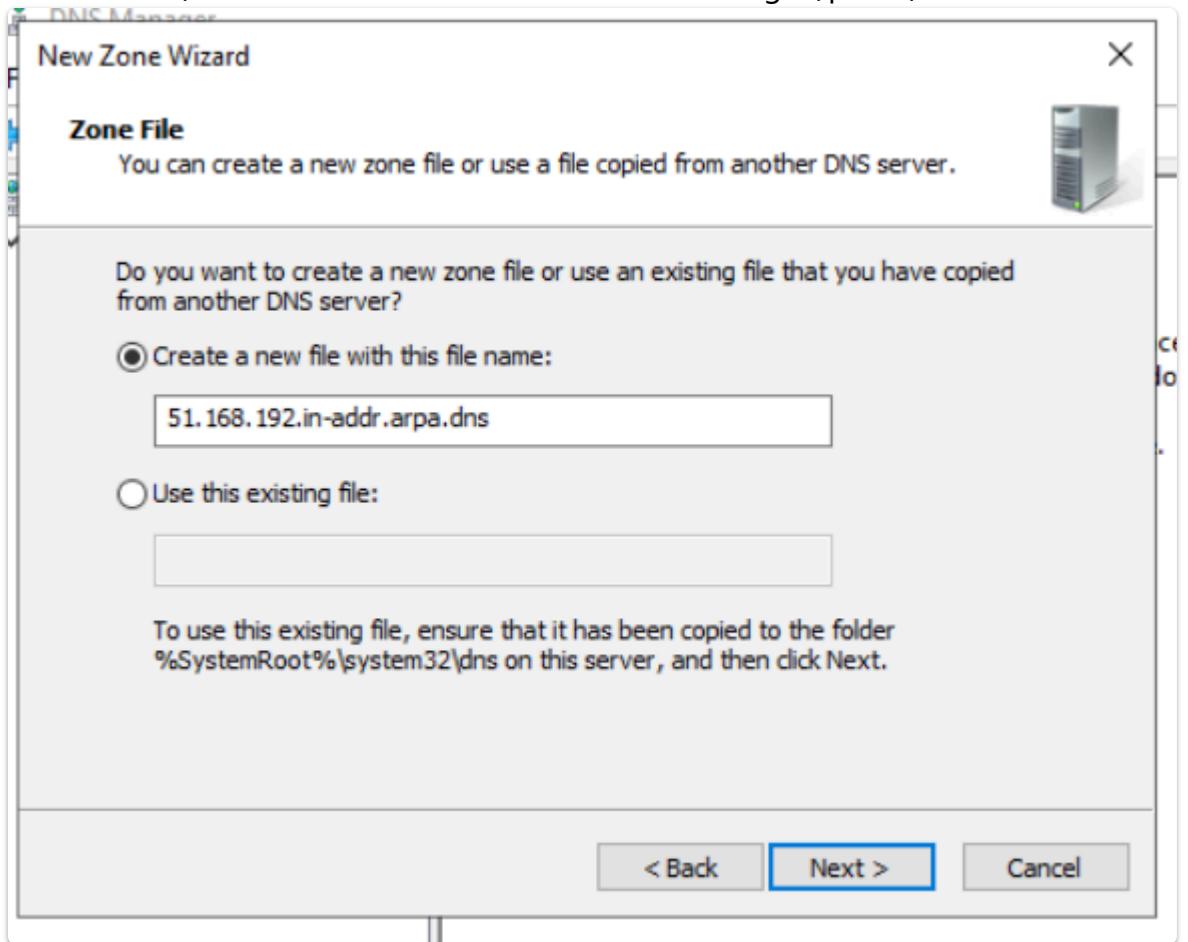
Bước 9: Tại Reverse Lookup Zone Name, chọn IPv4 Reverse Lookup Zone.



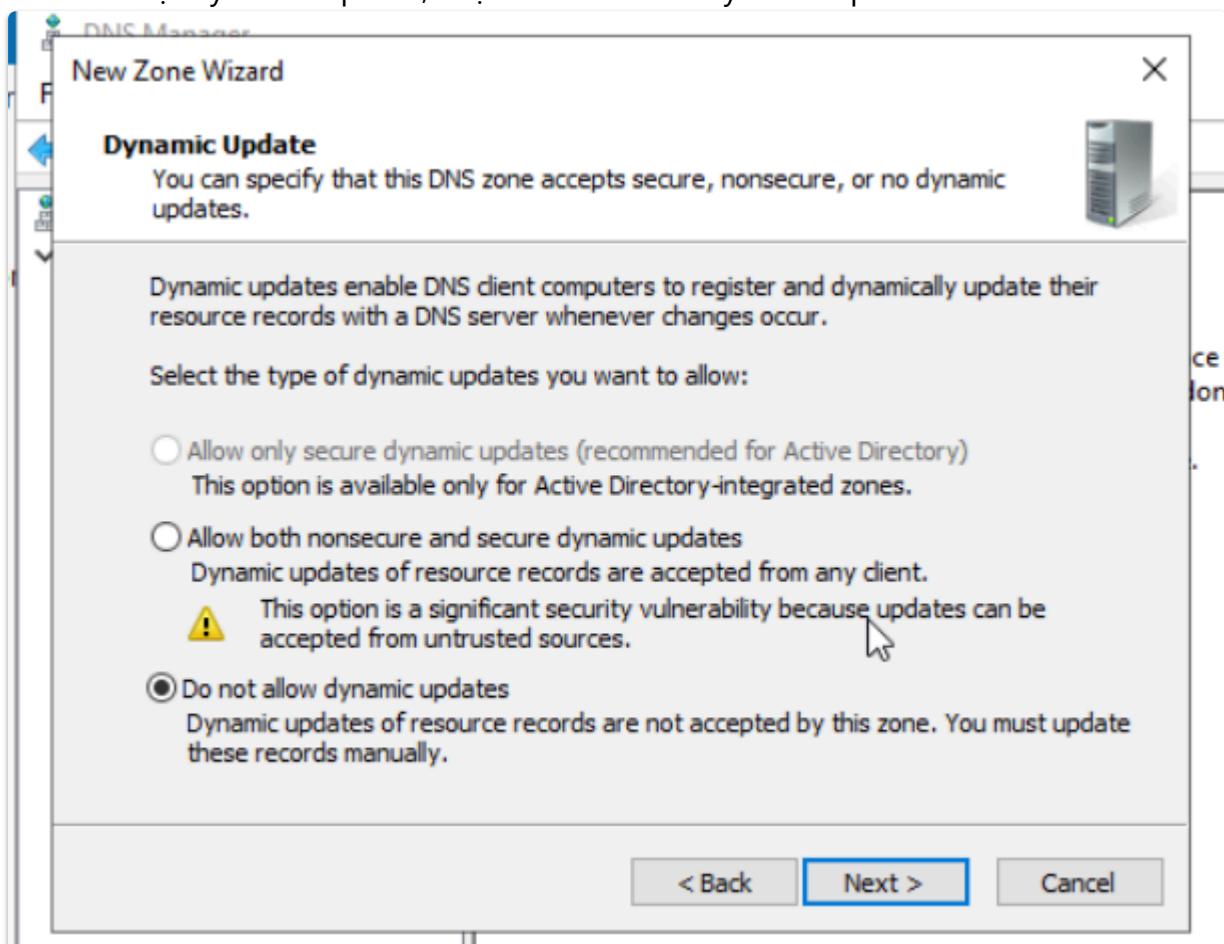
Bước 10: Tại Reverse Lookup Zone Name, chọn Network ID và nhập giá trị tương ứng. Lưu ý: Nhập đúng lớp mạng của nhóm.



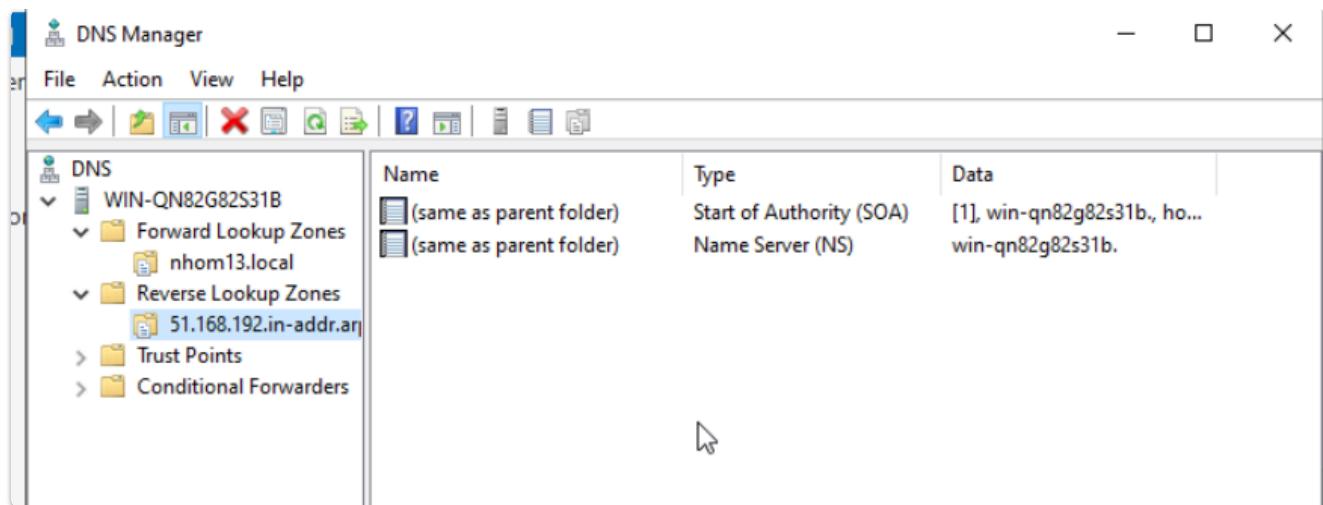
Bước 11: Chọn Create new file with this file name trong hộp thoại Zone File



Bước 12: Tại Dynamic Update, chọn Do not allow dynamic updates.



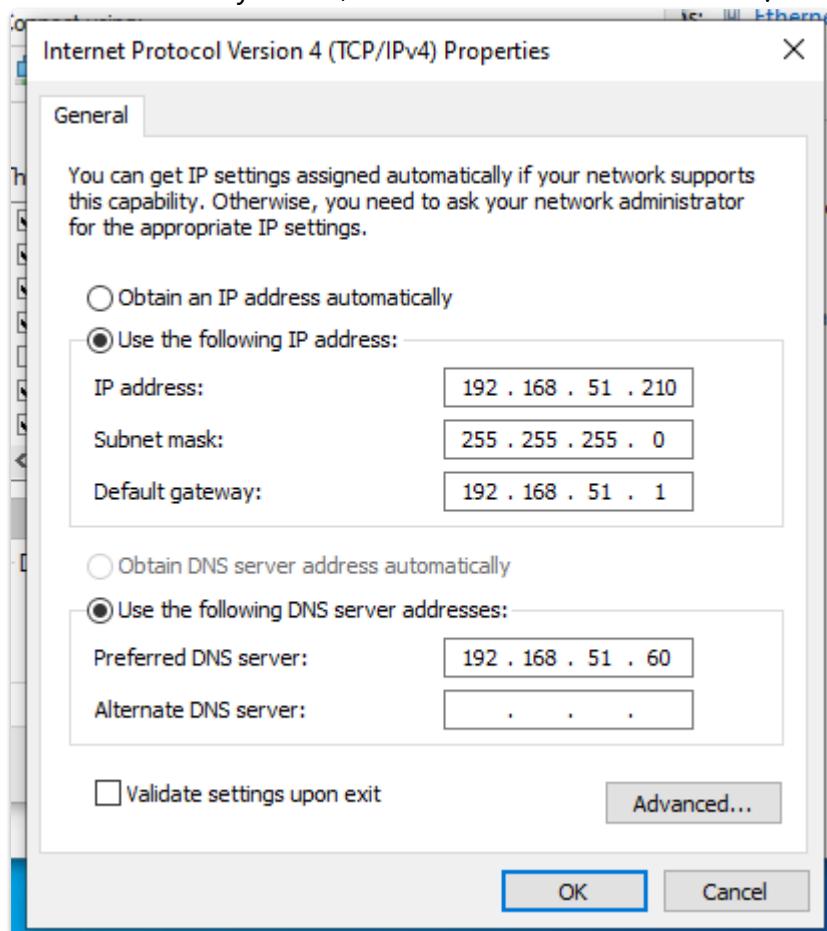
Sau đó bấm Next và Finish để hoàn tất cấu hình.



Như vậy, chúng ta đã hoàn tất quá trình cài đặt và cấu hình những thông số cơ bản nhất cho DNS Server. Tiếp theo, ta cấu hình DNS Client để kết nối tới DNS Server.

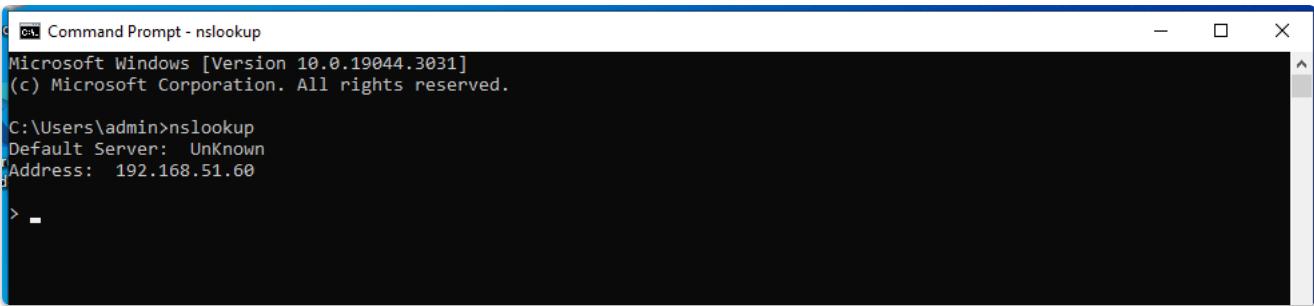
### c) Cấu hình DNS Client

Bước 1: Trên máy Client, cấu hình DNS Server trả về địa chỉ IP của máy Server.



Bước 2: Kiểm tra kết quả phân giải tên miền.

Trên máy Client, mở Command Prompt và gõ lệnh nslookup.



```
ca. Command Prompt - nslookup
Microsoft Windows [Version 10.0.19044.3031]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\admin>nslookup
Default Server: Unknown
Address: 192.168.51.60

> -
```

Chúng ta sẽ sử dụng công cụ nslookup để kiểm tra dịch vụ DNS trong các yêu cầu tiếp theo.

## Yêu cầu 1.3

Sinh viên thực hiện theo các yêu cầu bên dưới

Tìm hiểu 3 loại record của DNS: A, CNAME, MX.

### Bản ghi A (Address Record)

Bản ghi A ánh xạ (liên kết) một tên miền (domain) cụ thể tới địa chỉ IPv4 của một máy chủ. Khi người dùng truy cập vào một tên miền, bản ghi A sẽ được sử dụng để chuyển tên miền đó thành địa chỉ IP cần thiết để kết nối. Đây là loại bản ghi phổ biến và cơ bản nhất trong DNS.

Ví dụ: example.com → 93.184.216.34

### Bản ghi CNAME (Canonical Name Record)

Bản ghi CNAME được sử dụng để ánh xạ một tên miền phụ (subdomain) sang một tên miền khác (được gọi là tên miền chuẩn hoặc canonical domain). Nó thường được sử dụng khi cần tạo nhiều tên miền phụ trỏ về một tên miền chính.

Ví dụ: [www.example.com](http://www.example.com) → example.com (nghĩa là khi truy cập [www.example.com](http://www.example.com) sẽ được chuyển hướng tới example.com thông qua bản ghi CNAME).

### Bản ghi MX (Mail Exchange Record)

Bản ghi MX được sử dụng để xác định máy chủ email nào chịu trách nhiệm nhận thư cho một tên miền. Nó cho biết dịch vụ mail nào được sử dụng và ưu tiên xử lý thư đến của các tên miền. Bản ghi này rất quan trọng trong việc định tuyến email đến đúng máy chủ email.

Ví dụ:

example.com → mailserver1.example.com (priority 10)

example.com → mailserver2.example.com (priority 20)

(trong đó, mailserver1 sẽ được ưu tiên hơn mailserver2).

- Trên máy Server, tạo các record thích hợp để phân giải các domain gồm tên của các thành viên trong nhóm.
- <\fullname1>.nhomX.local gán với địa chỉ IP 192.168.X.<2-số-cuối-mssv1>
- Tương tự với các thành viên khác trong nhóm.
- Trên máy Client, kiểm tra kết quả.

Bước 1: Vào DNS manager vào mục nhom51.local để tạo record cho host (A)

The screenshot shows the Windows DNS Manager interface. On the left, the navigation pane shows a tree structure with 'WIN-QN82G82S31B' expanded, revealing 'Forward Lookup Zones' which contains 'nhom51.local'. Other options like 'Reverse Lookup Zones', 'Trust Points', and 'Conditional Forwarders' are also listed. The main pane displays a table of DNS records for the 'nhom51.local' zone:

Name	Type	Data
(same as parent folder)	Start of Authority (SOA)	[1], win-qn82g82s31b., ho...
(same as parent folder)	Name Server (NS)	win-qn82g82s31b.
NguyenDucLuan	Host (A)	192.168.51.25
VuNgocQuocKhanh	Host (A)	192.168.51.61

Bước 2: Kiểm tra kết quả trên máy Client bằng lệnh nslookup

The screenshot shows a Command Prompt window titled 'Command Prompt - nslookup'. The user has run the command 'nslookup' and specified the server address as '192.168.51.60'. The output shows two entries:

```
C:\Users\admin>nslookup
Default Server: UnKnown
Address: 192.168.51.60

> NguyenDucLuan.nhom51.local
Server: UnKnown
Address: 192.168.51.60

Name:   NguyenDucLuan.nhom51.local
Address: 192.168.51.25

> VuNgocQuocKhanh.nhom51.local
Server: UnKnown
Address: 192.168.51.60

Name:   VuNgocQuocKhanh.nhom51.local
Address: 192.168.51.61
```

## 2. Cài đặt và cấu hình dịch vụ DHCP

### Yêu cầu 2.1

Tìm hiểu và trả lời câu hỏi sau:

#### 1. DHCP là gì?

DHCP (Dynamic Host Configuration Protocol) là một giao thức mạng tự động cấp phát địa chỉ IP và các thông số cấu hình khác (như Gateway, Subnet Mask, DNS Server) cho các thiết bị trong mạng. Thay vì phải gán địa chỉ IP thủ công cho từng thiết bị, DHCP sẽ

đảm nhiệm việc này một cách tự động, giúp giảm công sức quản lý và hạn chế lỗi sai sót khi cấu hình địa chỉ IP.

## 2. Khi nào cần sử dụng DHCP?

DHCP thường được sử dụng trong các trường hợp sau:

Mạng lớn với nhiều thiết bị: Khi quản lý một mạng có nhiều thiết bị (máy tính, điện thoại, máy in, v.v.), việc cấp phát và quản lý địa chỉ IP thủ công có thể trở nên khó khăn và dễ sai sót. DHCP giúp tự động hóa quy trình này.

Mạng doanh nghiệp và văn phòng: Trong các doanh nghiệp có nhân viên, khách hàng, và thiết bị di động thường xuyên kết nối và ngắt kết nối, DHCP cho phép việc cấp phát địa chỉ IP trở nên linh hoạt và tiện lợi hơn.

Mạng Wi-Fi công cộng: Trong các quán cà phê, khách sạn, sân bay... nơi có số lượng lớn người dùng kết nối vào mạng cùng lúc, DHCP giúp phân bổ địa chỉ IP cho từng thiết bị mà không cần cấu hình thủ công.

Mạng thay đổi thường xuyên: Trong các môi trường mà các thiết bị thường xuyên thêm vào hoặc gỡ bỏ khỏi mạng, DHCP giúp đảm bảo các thiết bị mới luôn nhận được địa chỉ IP một cách nhanh chóng và chính xác.

## Yêu cầu 2.2

Cài đặt và cấu hình dịch vụ DHCP theo các bước bên dưới

### Các bước thực hiện

#### a) Cài đặt dịch vụ DHCP

Bước 1: Tắt các dịch vụ DHCP hiện có.

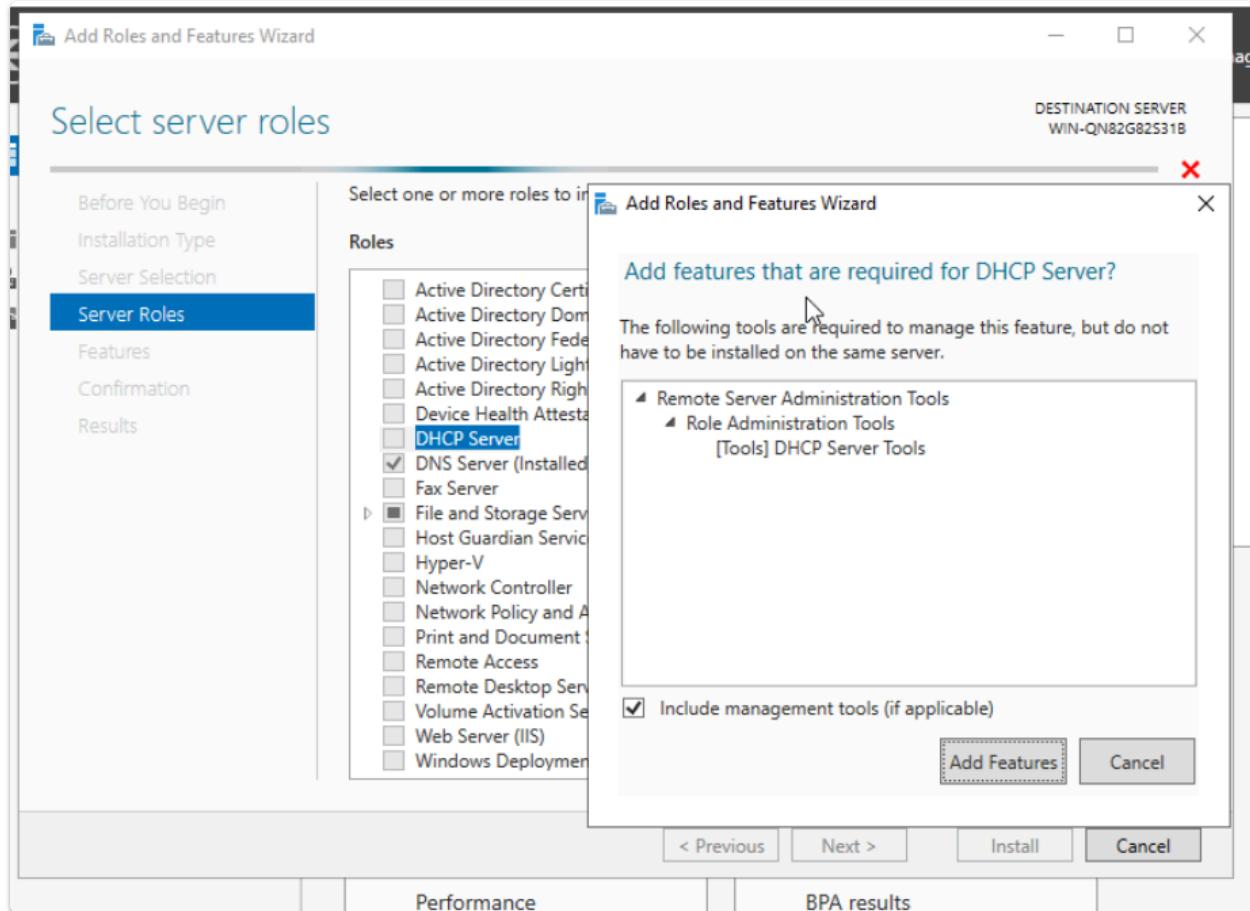
Tắt dịch vụ DHCP trên VMWare hoặc Virtualbox để không gây đụng độ với dịch vụ DHCP cấu hình trên Windows Server.

Name	Type	External Connection	Host Connection	DHCP	Subnet Address
VMnet0	Bridged	Auto-bridging	-	-	-
VMnet1	Host-only	-	Connected	-	192.168.245.0
VMnet8	NAT	NAT	Connected	-	192.168.15.0

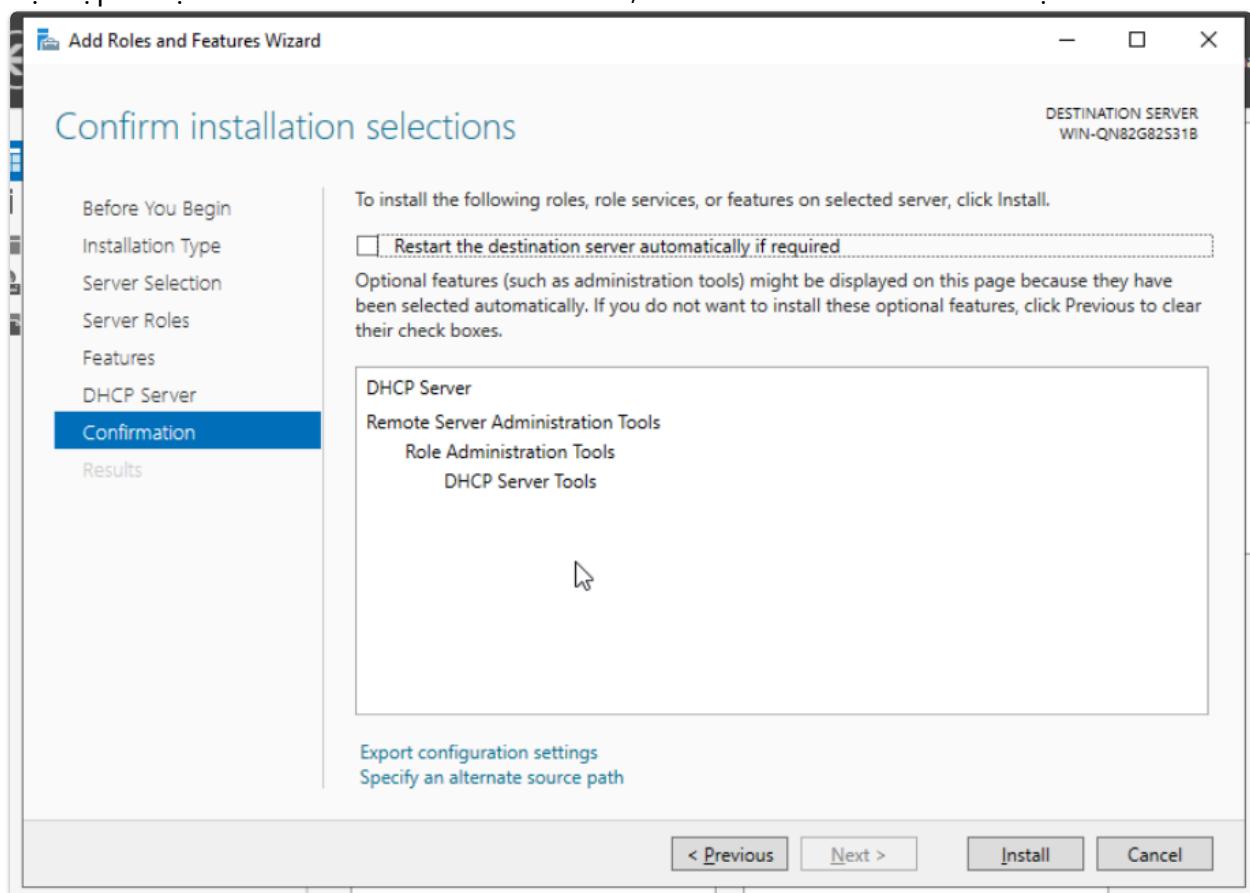
Bước 2: Cài đặt DHCP cho Windows Server.

- Trong Server Manager, chọn Add Roles and Features.

- Chọn DHCP Server trong mục Service Roles. Chọn Next ở các bước tiếp theo.

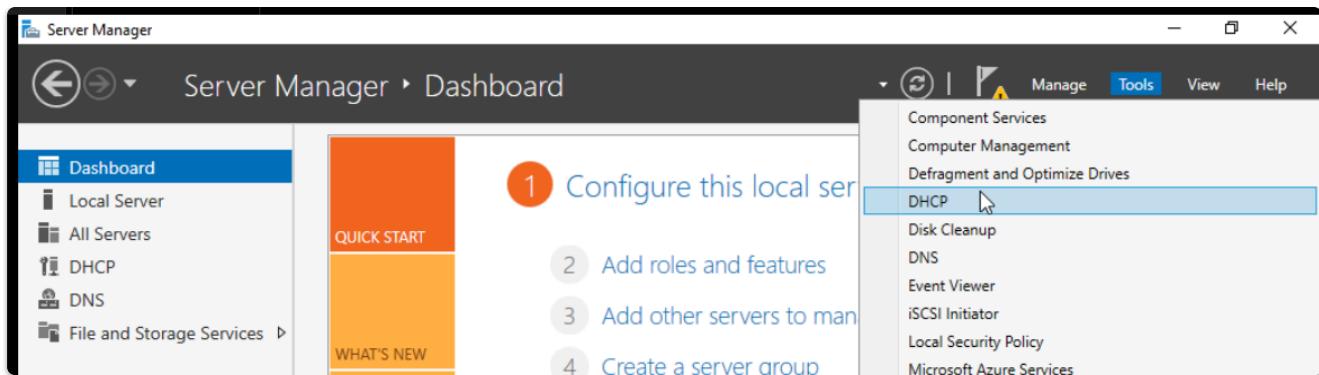


Tại hộp thoại Confirm Installation Selections, click Install để bắt đầu cài đặt.

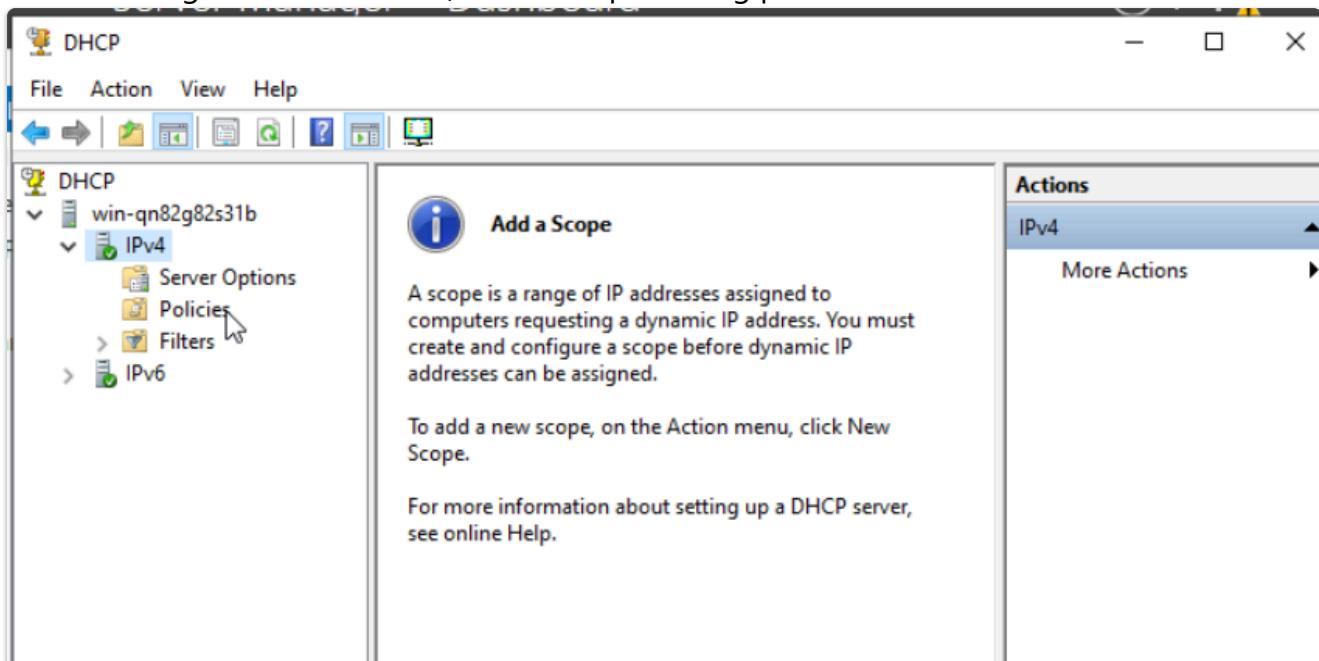


## b) Cấu hình DHCP cho server

Bước 1: Trong Server Manager, chọn Tool > DHCP.

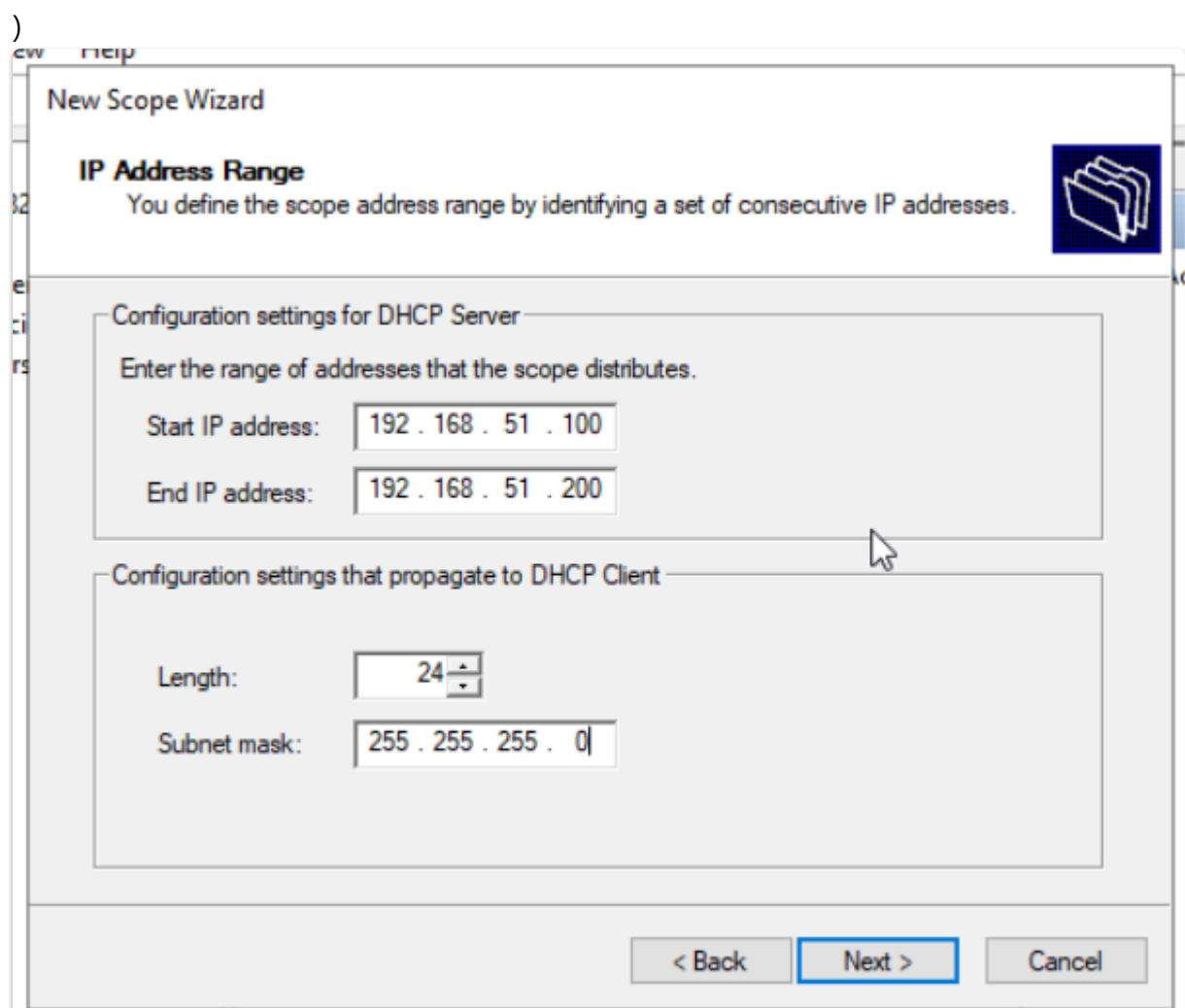
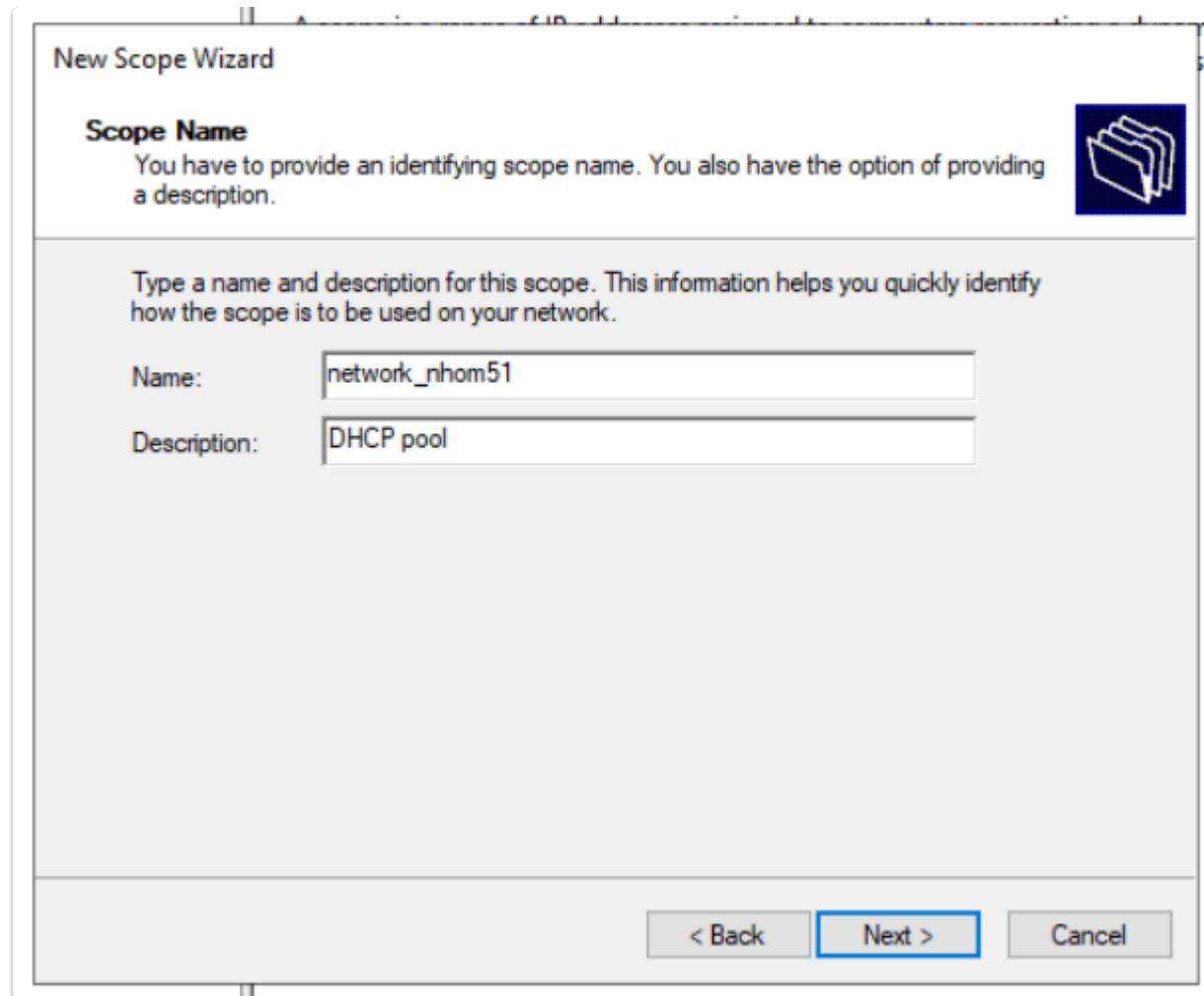


Bước 2: Trong cửa sổ DHCP, chọn New Scope... trong phần IPv4.



Bước 3: Tại hộp thoại New Scope Wizard, thiết lập các thông tin cấu hình cho scope mới, cần đảm bảo các thông tin như yêu cầu như sau:

- Scope name - Tên scope: network\_nhom51
- IP Address Range - Dải địa chỉ IP có thể cấp: 192.168.51.100 – 192.168.51.200
- Add Exclusions and Delay - Danh sách các địa chỉ không dùng trong dải địa chỉ trên, bỏ qua nếu không muốn loại trừ địa chỉ nào.
- Lease Duration – Thời gian release: 12 giờ.
- Default gateway: 192.168.51.1
- Cấu hình thông tin DNS server kèm theo



New Scope Wizard

### Lease Duration

The lease duration specifies how long a client can use an IP address from this scope.

Lease durations should typically be equal to the average time the computer is connected to the same physical network. For mobile networks that consist mainly of portable computers or dial-up clients, shorter lease durations can be useful. Likewise, for a stable network that consists mainly of desktop computers at fixed locations, longer lease durations are more appropriate.

Set the duration for scope leases when distributed by this server.

Limited to:

Days: 0 Hours: 12 Minutes: 0

< Back Next > Cancel

New Scope Wizard

### Router (Default Gateway)

You can specify the routers, or default gateways, to be distributed by this scope.

To add an IP address for a router used by clients, enter the address below.

IP address: 192 . 168 . 51 . 1

Add Remove Up Down

< Back Next > Cancel

## New Scope Wizard

### Domain Name and DNS Servers

The Domain Name System (DNS) maps and translates domain names used by clients on your network.



You can specify the parent domain you want the client computers on your network to use for DNS name resolution.

Parent domain:

To configure scope clients to use DNS servers on your network, enter the IP addresses for those servers.

Server name:

IP address:

## New Scope Wizard

### WINS Servers

Computers running Windows can use WINS servers to convert NetBIOS computer names to IP addresses.



Entering server IP addresses here enables Windows clients to query WINS before they use broadcasts to register and resolve NetBIOS names.

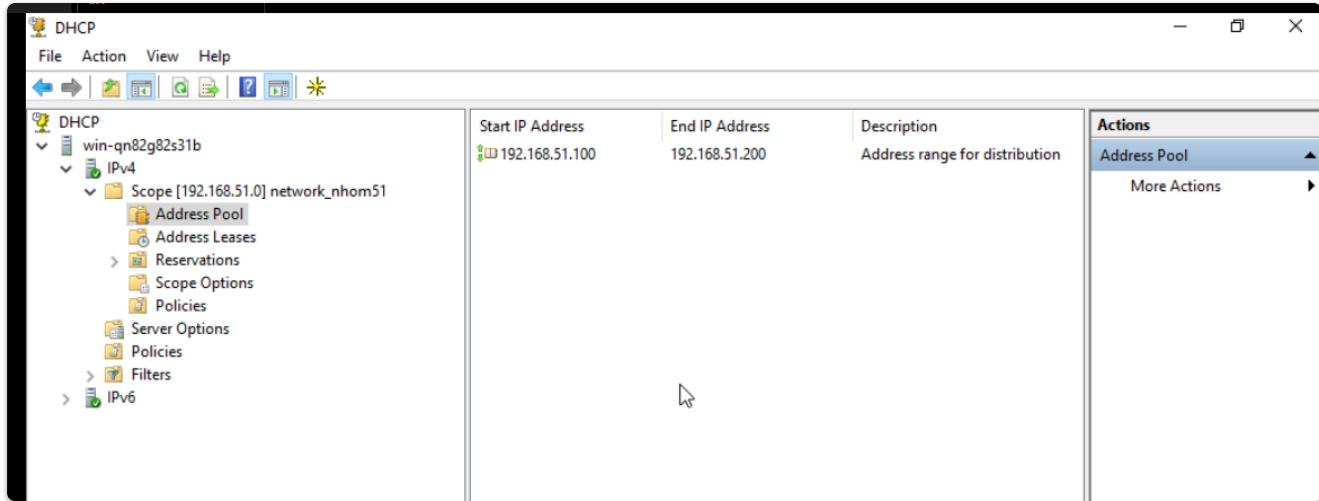
Server name:

IP address:

To change this behavior for Windows DHCP clients modify option 046, WINS/NBT Node Type, in Scope Options.

Tiếp tục next đến khi Finish.

#### Bước 4: Kiểm tra thông tin scope sau khi tạo



Bước 5: Kiểm tra cấp phát IP động từ DHCP tại máy Client với câu lệnh ipconfig /release để giải phóng địa chỉ IP đang có trên card mạng.

```
Microsoft Windows [Version 10.0.19044.3031]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\admin>ipconfig /release
Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix . :
Link-local IPv6 Address . . . . . : fe80::7072:4dfb:e43:4a79%6
Default Gateway . . . . . :

C:\Users\admin>
```

/renew để cấp mới địa chỉ IP cho card mạng.

```
C:\Users\admin>ipconfig /renew
Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix . : nhom51.local
Link-local IPv6 Address . . . . . : fe80::7072:4dfb:e43:4a79%6
IPv4 Address . . . . . : 192.168.51.100
Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
Default Gateway . . . . . : 192.168.51.1

C:\Users\admin>
```

/all để xem tất cả thông tin địa chỉ IP được cấp phát cho các card mạng

```
C:\Users\admin>ipconfig /all
```

## Windows IP Configuration

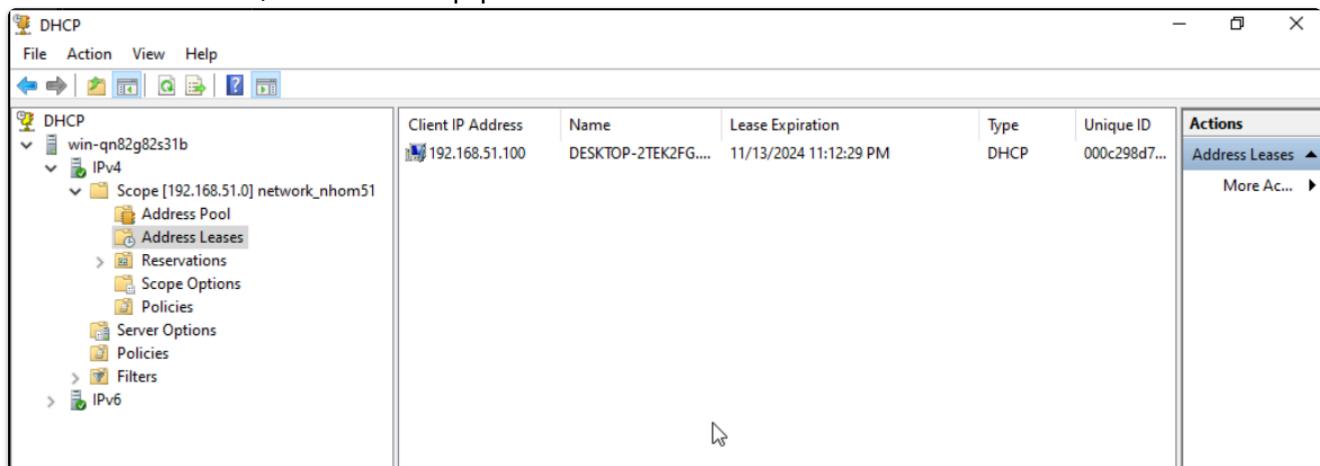
```
Host Name . . . . . : DESKTOP-2TEK2FG
Primary Dns Suffix . . . . . :
Node Type . . . . . : Hybrid
IP Routing Enabled. . . . . : No
WINS Proxy Enabled. . . . . : No
DNS Suffix Search List. . . . . : nhom51.local
```

## Ethernet adapter Ethernet0:

```
Connection-specific DNS Suffix . : nhom51.local
Description . . . . . : Intel(R) 82574L Gigabit Network Connection
Physical Address. . . . . : 00-0C-29-8D-7A-91
DHCP Enabled. . . . . : Yes
Autoconfiguration Enabled . . . . . : Yes
Link-local IPv6 Address . . . . . : fe80::7072:4dfb:e43:4a79%6(Preferred)
IPv4 Address. . . . . : 192.168.51.100(Preferred)
Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
Lease Obtained. . . . . : Wednesday, November 13, 2024 10:58:31 AM
Lease Expires . . . . . : Wednesday, November 13, 2024 10:58:31 PM
Default Gateway . . . . . : 192.168.51.1
DHCP Server . . . . . : 192.168.51.60
DHCPv6 IAID . . . . . : 100666409
DHCPv6 Client DUID. . . . . : 00-01-00-01-2E-C7-55-40-00-0C-29-8D-7A-91
DNS Servers . . . . . : 192.168.51.60
NetBIOS over Tcpip. . . . . : Enabled
```

C:\Users\admin>

Bước 6: Kiểm tra lại các IP đã cấp phát trên DHCP server



### 3. Cài đặt và cấu hình Web Server (IIS) và FTP server

### **Yêu cầu 3.1**

Cài đặt và cấu hình Web Server và FTP Server như bên dưới

## Các bước thực hiện

### a) Cài đặt dịch vụ WEB, FTP

Bắt đầu cài đặt các dịch vụ, chọn Web server (IIS)

Server Manager ▸ Dashboard

Add Roles and Features Wizard

## Select server roles

Before You Begin  
Installation Type  
Server Selection  
**Server Roles**  
Features  
Web Server Role (IIS)  
Role Services  
Confirmation  
Results

Select one or more roles to install on the selected server.

Roles	Description
<input type="checkbox"/> Active Directory Domain Services	Web Server (IIS) provides a highly manageable, and scalable application infrastructure.
<input type="checkbox"/> Active Directory Federation Services	
<input type="checkbox"/> Active Directory Lightweight Directory Services	
<input type="checkbox"/> Active Directory Rights Management Services	
<input type="checkbox"/> Device Health Attestation	
<input type="checkbox"/> DHCP Server	
<input type="checkbox"/> DNS Server	
<input type="checkbox"/> Fax Server	
<input checked="" type="checkbox"/> File and Storage Services (1 of 12 installed)	
<input type="checkbox"/> Host Guardian Service	
<input type="checkbox"/> Hyper-V	
<input type="checkbox"/> Network Controller	
<input type="checkbox"/> Network Policy and Access Services	
<input type="checkbox"/> Print and Document Services	
<input type="checkbox"/> Remote Access	
<input type="checkbox"/> Remote Desktop Services	
<input type="checkbox"/> Volume Activation Services	
<input checked="" type="checkbox"/> Web Server (IIS)	
<input type="checkbox"/> Windows Deployment Services	
<input type="checkbox"/> Windows Server Update Services	

< Previous    Next >    Install

Chọn FTP Server tại Role Services

Server Manager

Server Manager • Dashboard

Add Roles and Features Wizard

Select role services

DESTINATION SERVER WIN-5DN2U3NS

Before You Begin

Installation Type

Server Selection

Server Roles

Features

Web Server Role (IIS)

**Role Services**

Confirmation

Results

Select the role services to install for Web Server (IIS)

**Role services**

- Performance
  - Static Content Compression
  - Dynamic Content Compression
- Security
  - Request Filtering
  - Basic Authentication
  - Centralized SSL Certificate Support
  - Client Certificate Mapping Authentication
  - Digest Authentication
  - IIS Client Certificate Mapping Authentication
  - IP and Domain Restrictions
  - URL Authorization
  - Windows Authentication
- Application Development
- FTP Server**
  - FTP Service
  - FTP Extensibility
- Management Tools
  - IIS Management Console

Description

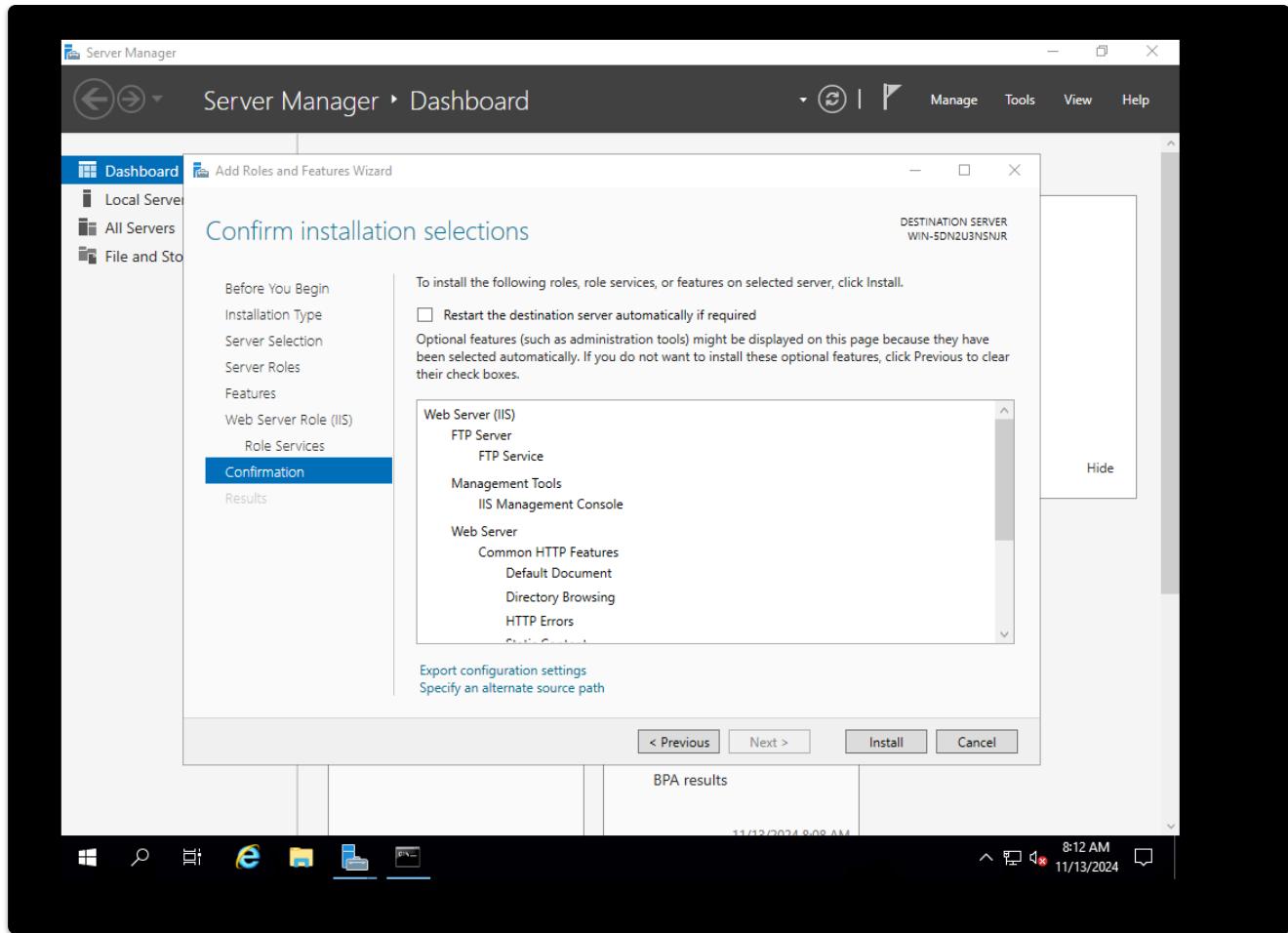
FTP Server enables the transfer of files between a client and server using the FTP protocol. Users can establish an FTP connection and transfer files by using an FTP client or FTP-enabled Web browser.

< Previous Next > Install Cancel

File Explorer

BPA results

Kiểm tra thông tin

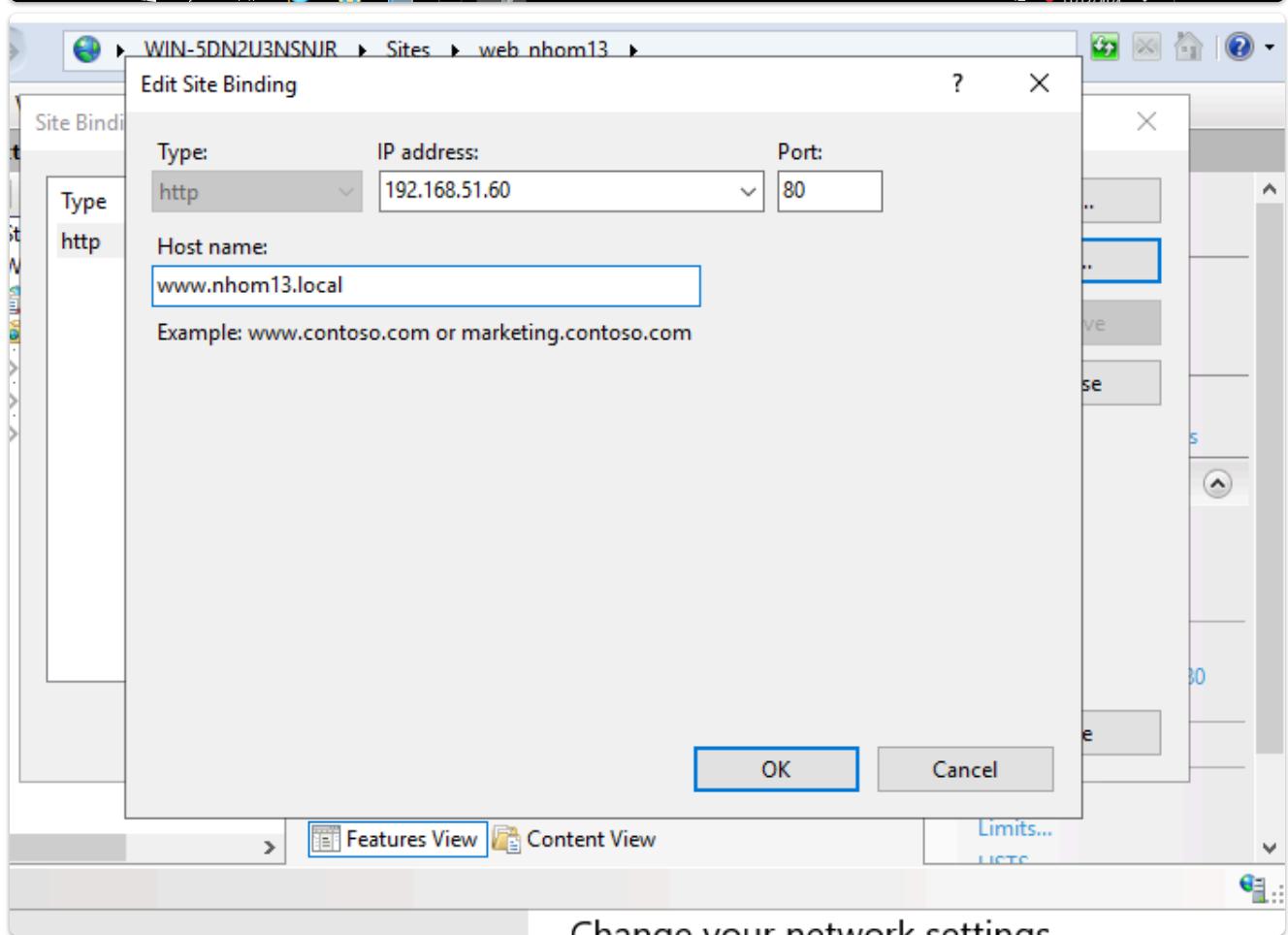
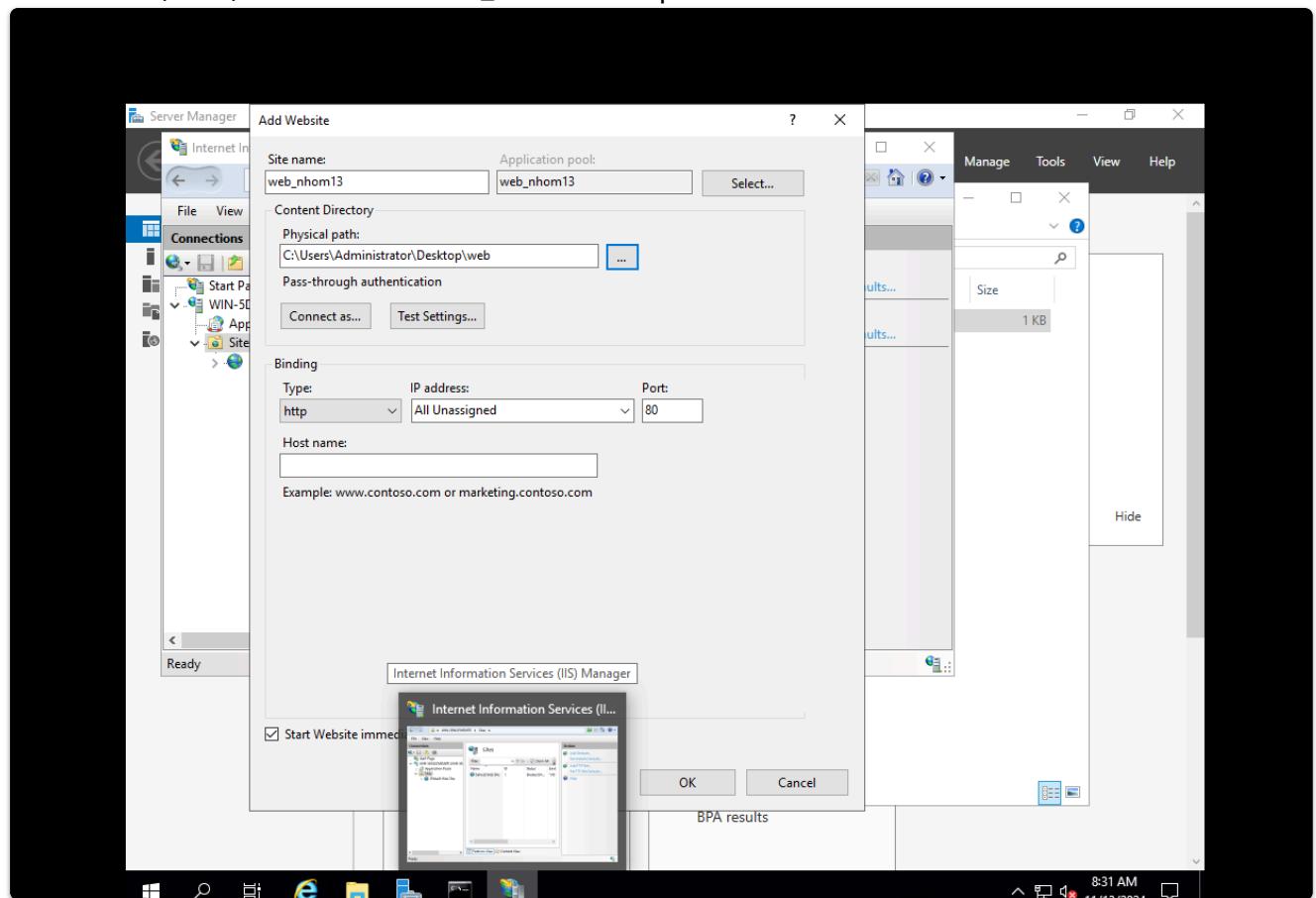


## b) Cấu hình dịch vụ Web, FTP Server

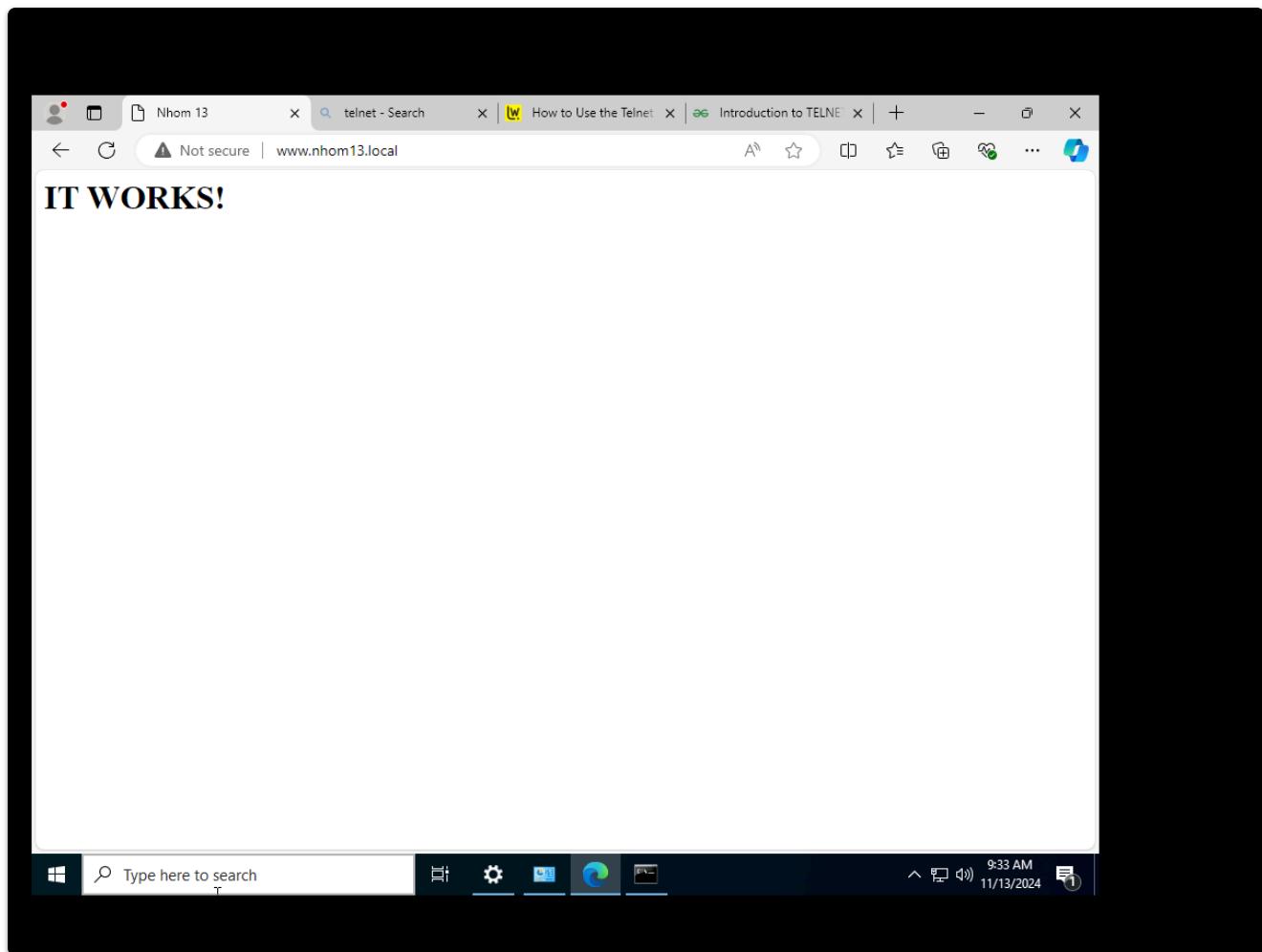
DNS record cho Web và FTP

Name	Type	Data
(same as parent folder)	Start of Authority (SOA)	[1], ns.nhom13.local, ...
(same as parent folder)	Name Server (NS)	ns.nhom13.local.
(same as parent folder)	Host (A)	192.168.51.60
www	Alias (CNAME)	nhom13.local
ftp	Alias (CNAME)	nhom13.local
ns	Host (A)	192.168.51.60

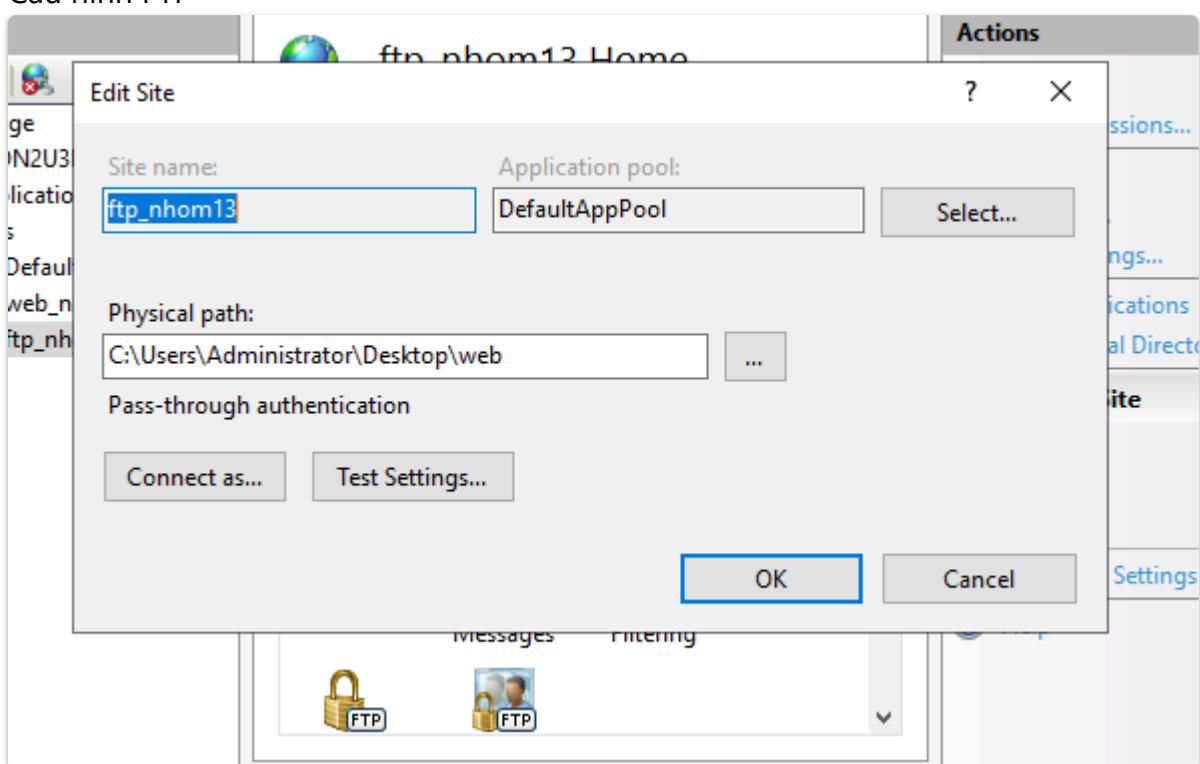
## Cấu hình dịch vụ web với tên web\_nhom13 và path dẫn đến file html



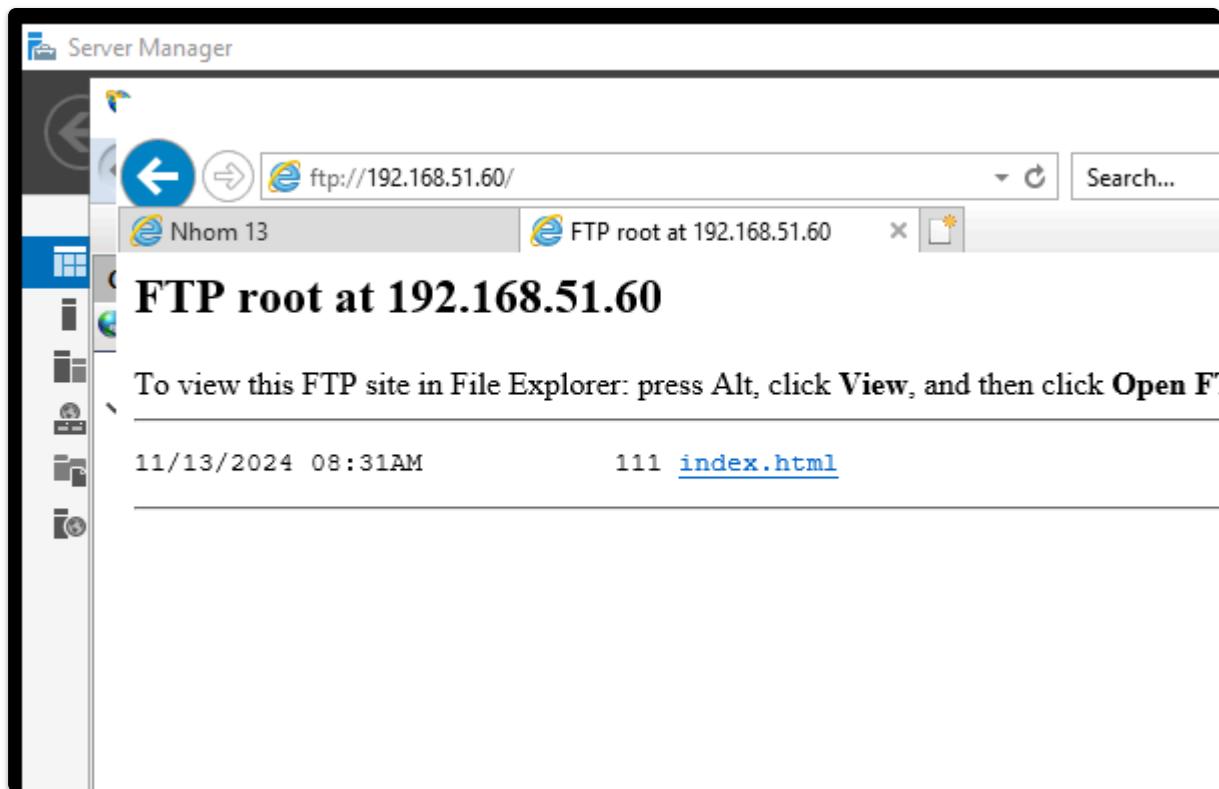
## Kiểm tra trên client



## Cấu hình FTP



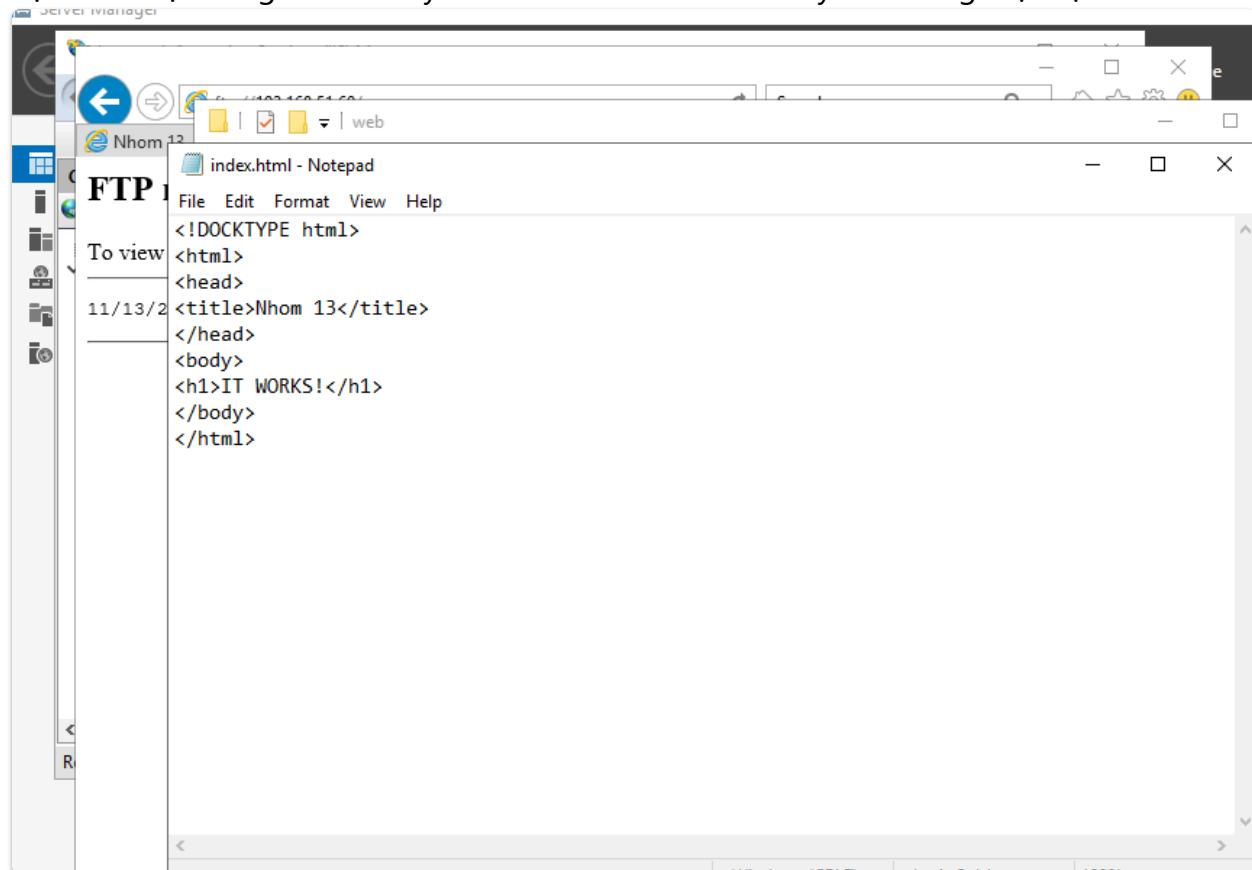
## Kiểm tra trên IE



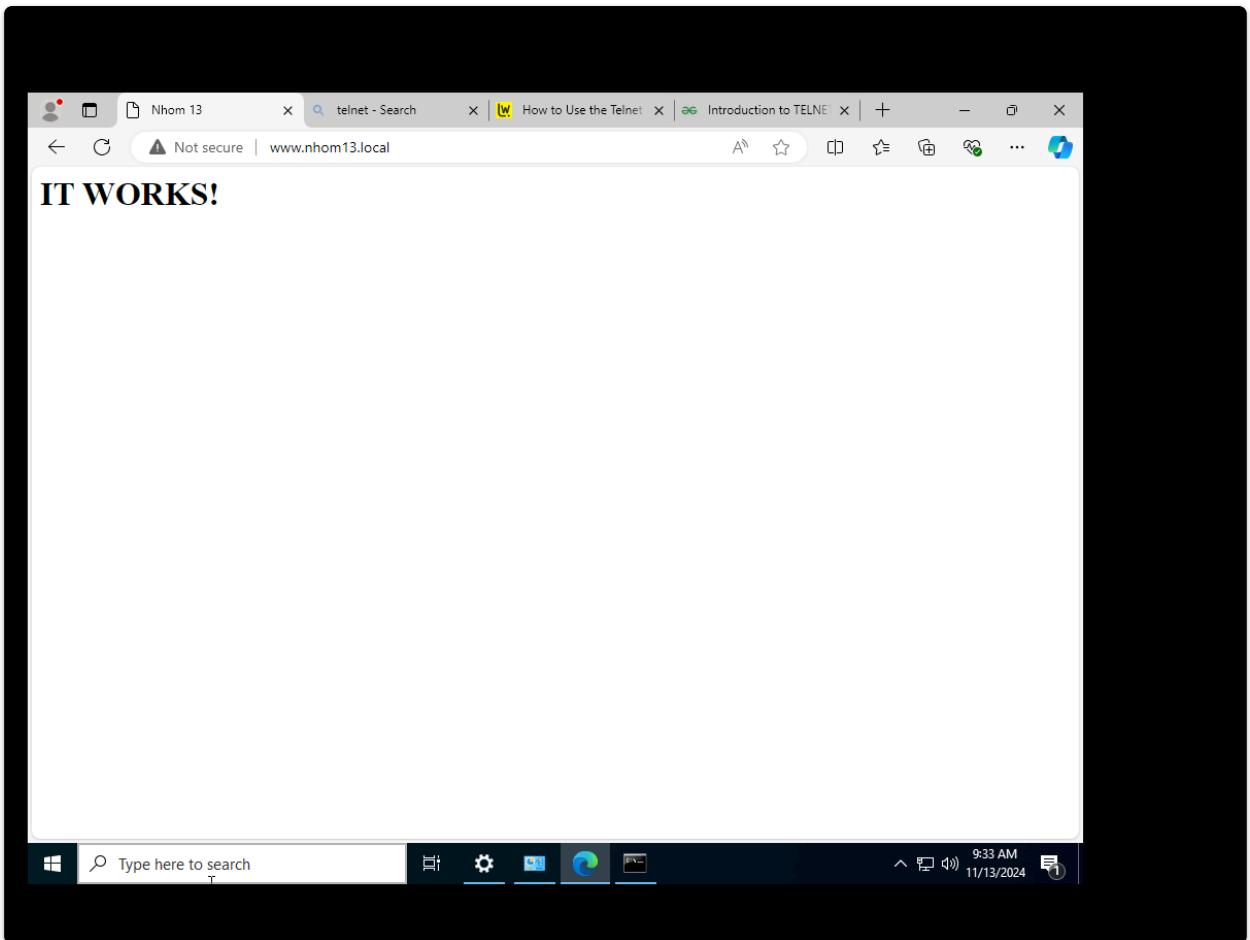
## Yêu cầu 3.2

Sinh viên thử kiểm tra tương tác với FTP Server và Web Server:

- Tạo mới một trang web bất kỳ và đưa lên Web Server thay cho trang mặc định

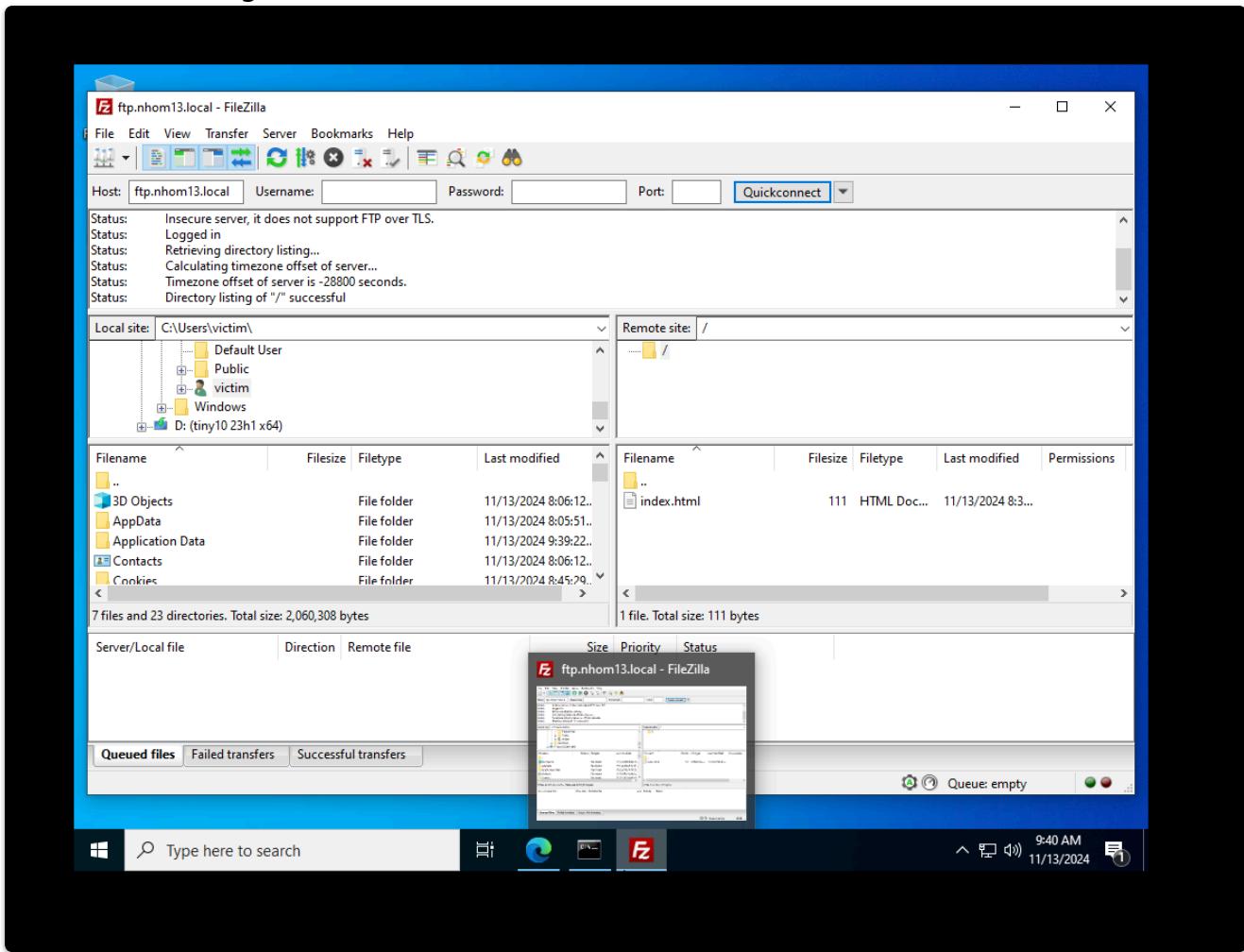


## Kiểm tra

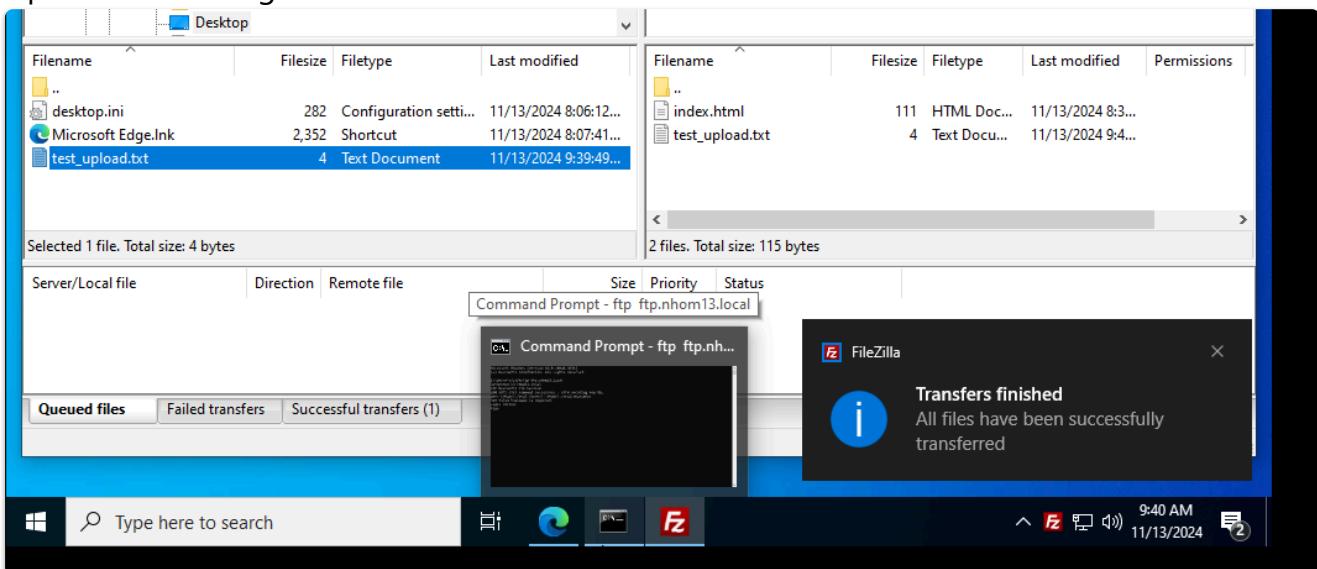


- Dùng FileZilla hoặc công cụ tương đương để upload file lên FTP Server và kiểm tra.

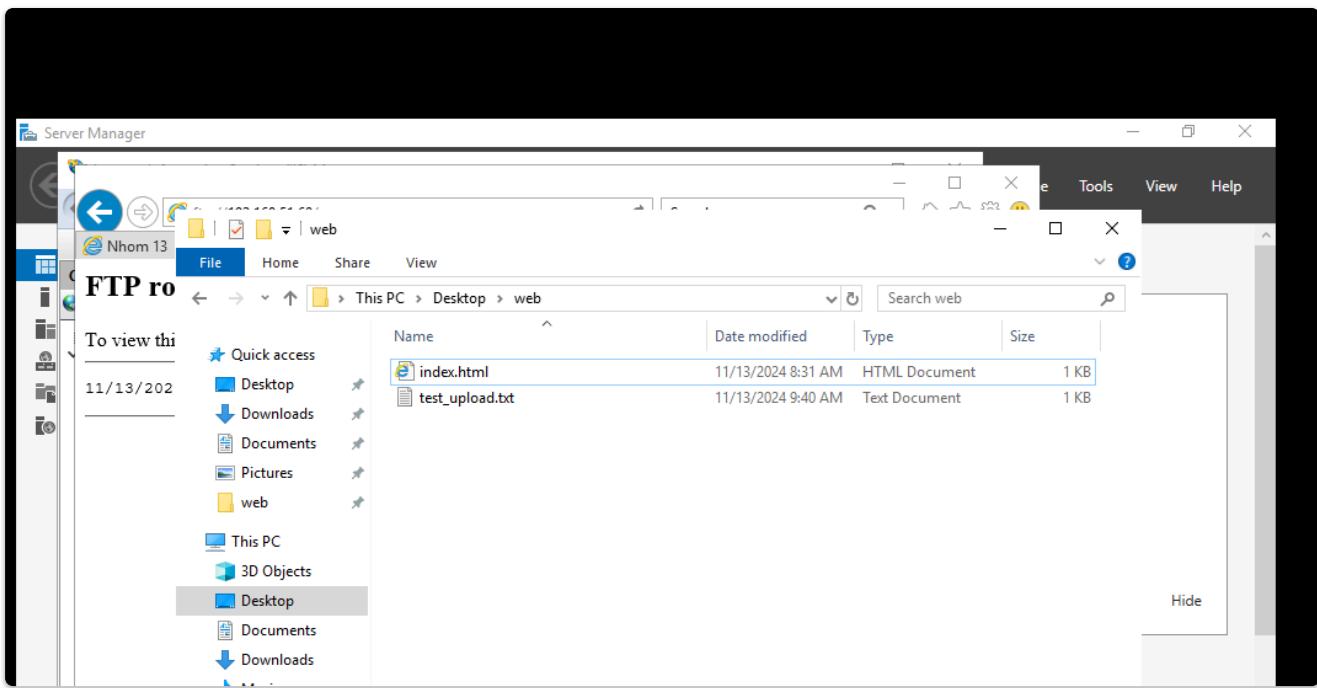
## Kết nối thành công



## Upload thành công



## Kiểm tra bên Server



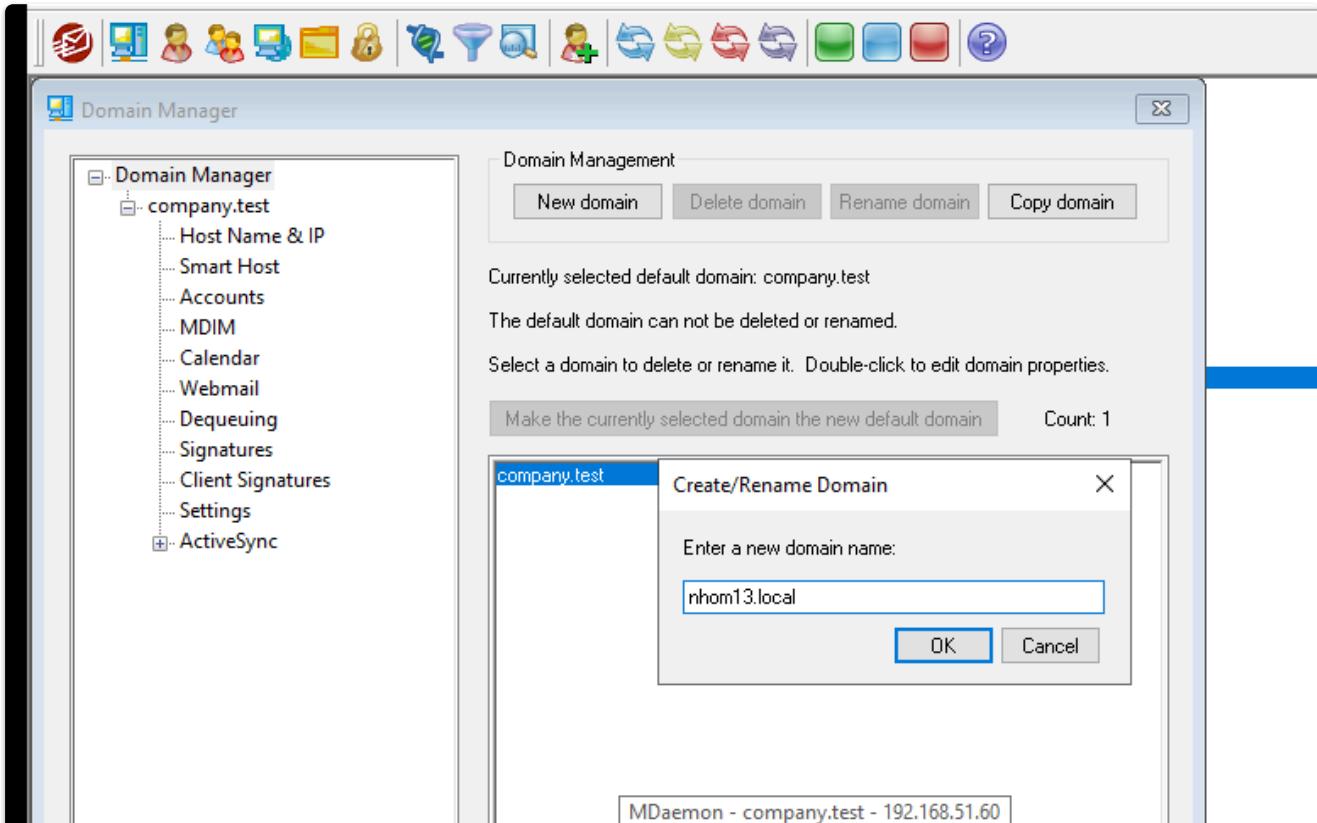
## 4. Cài đặt và cấu hình dịch vụ Mail Server

### Yêu cầu 4.1

Sinh viên cài đặt và cấu hình Mail Server như bên dưới

### Các bước thực hiện

#### Thay đổi domain



#### Thêm DNS record

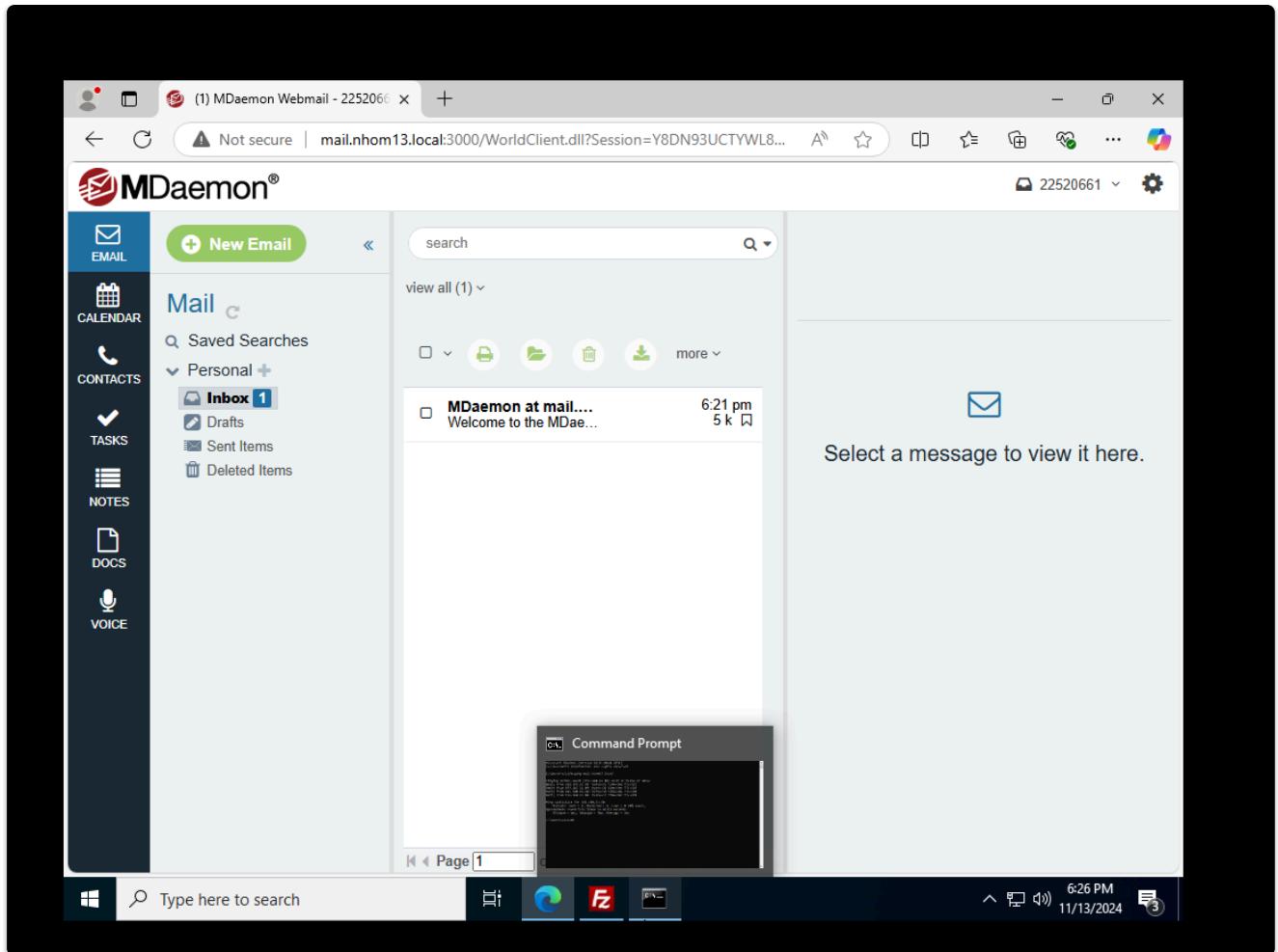
Help

	Name	Type	Data
SNJR	(same as parent folder)	Start of Authority (SOA)	[16], ns.nhom13.local., ho...
okup Zones	(same as parent folder)	Name Server (NS)	ns.nhom13.local.
.local	(same as parent folder)	Host (A)	192.168.51.60
okup Zones	ftp	Alias (CNAME)	ns.nhom13.local.
;	ns	Host (A)	192.168.51.60
I Forwarders	www	Alias (CNAME)	nhom13.local.
	mail	Alias (CNAME)	nhom13.local

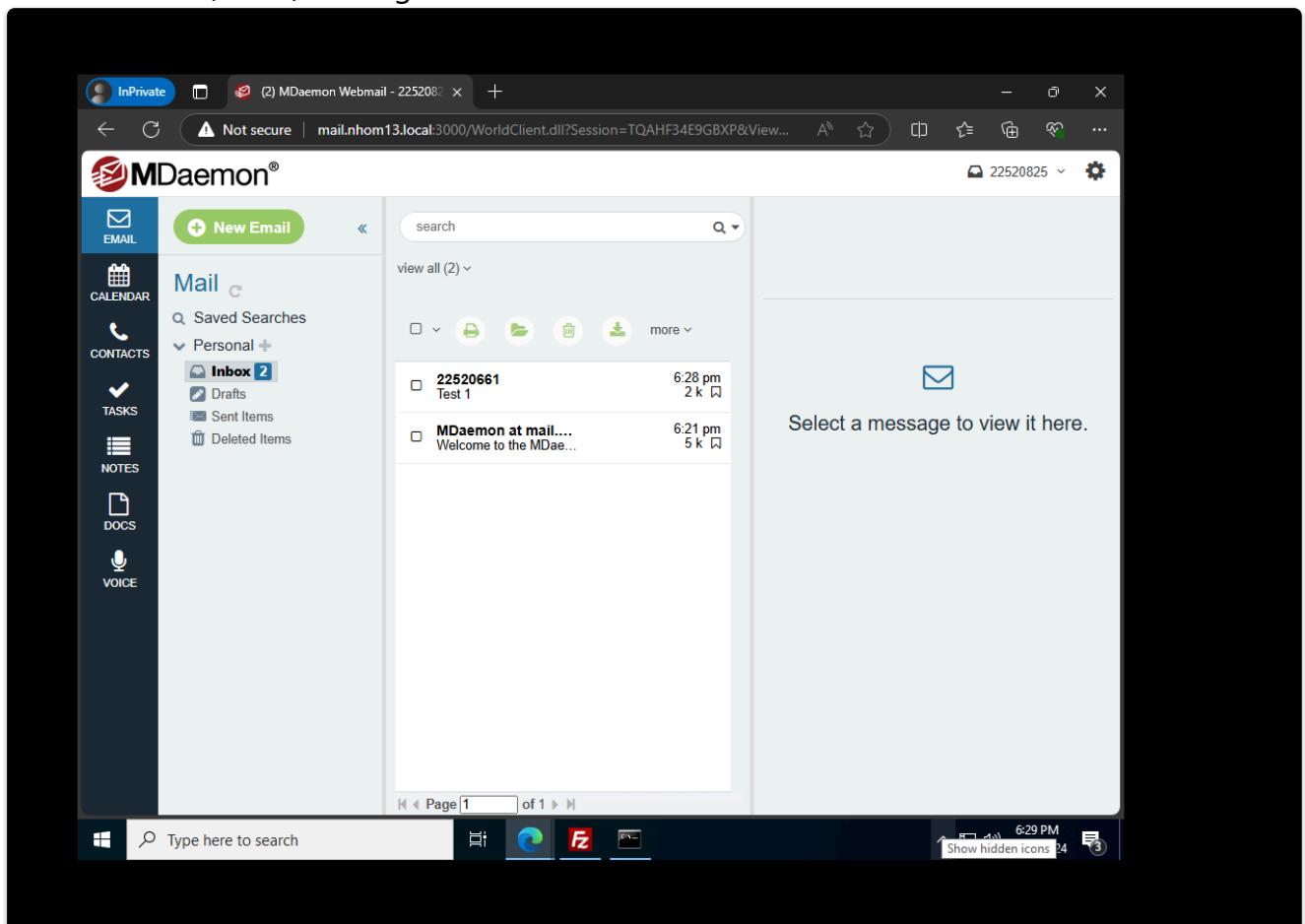
### Thêm account

Mailbox	Domain	Real name	Forwarding
✓ 22520661	nhom13.local	22520661	No
✓ 22520825	nhom13.local	22520825	No

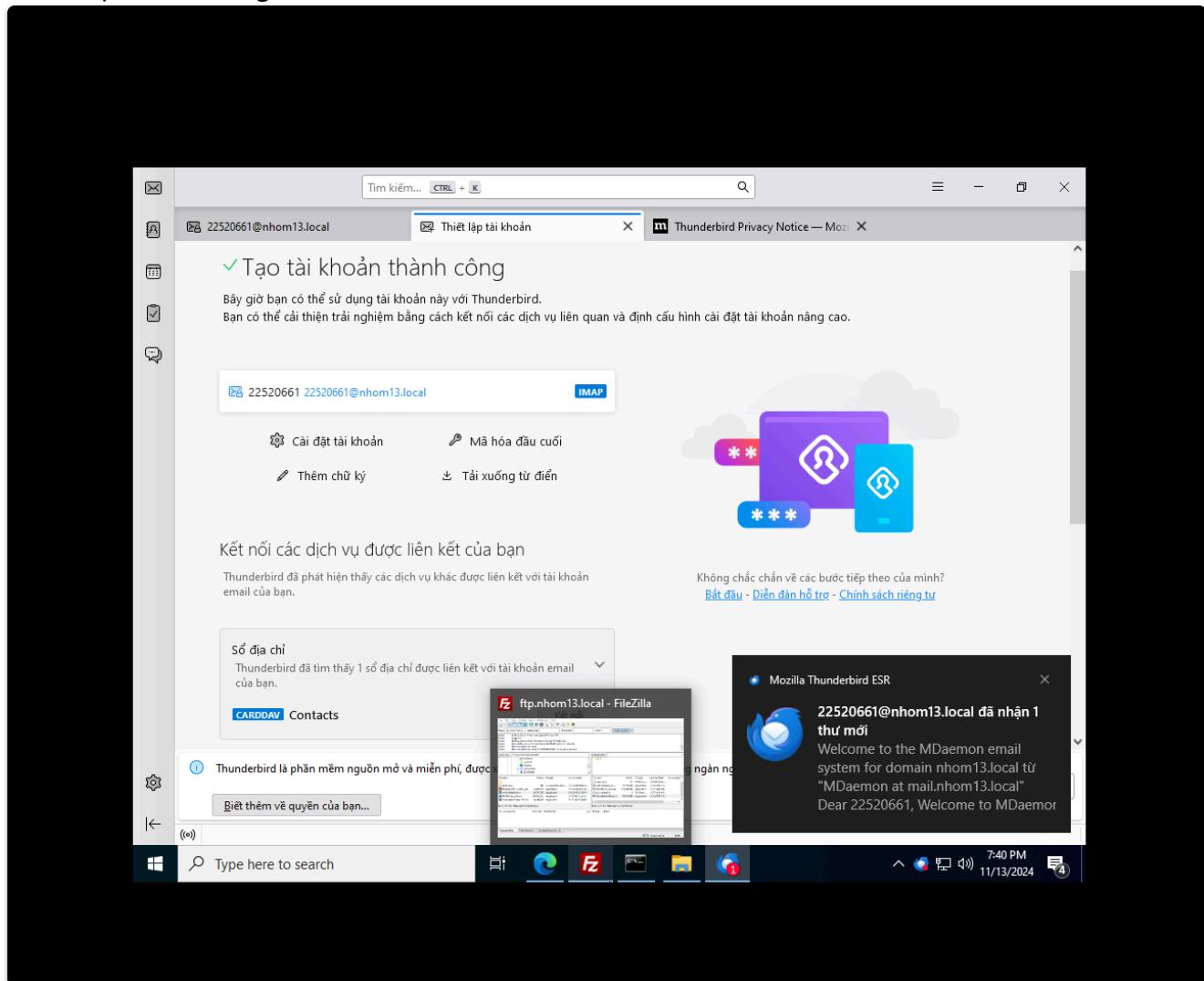
Đăng nhập thành công với account vừa tạo



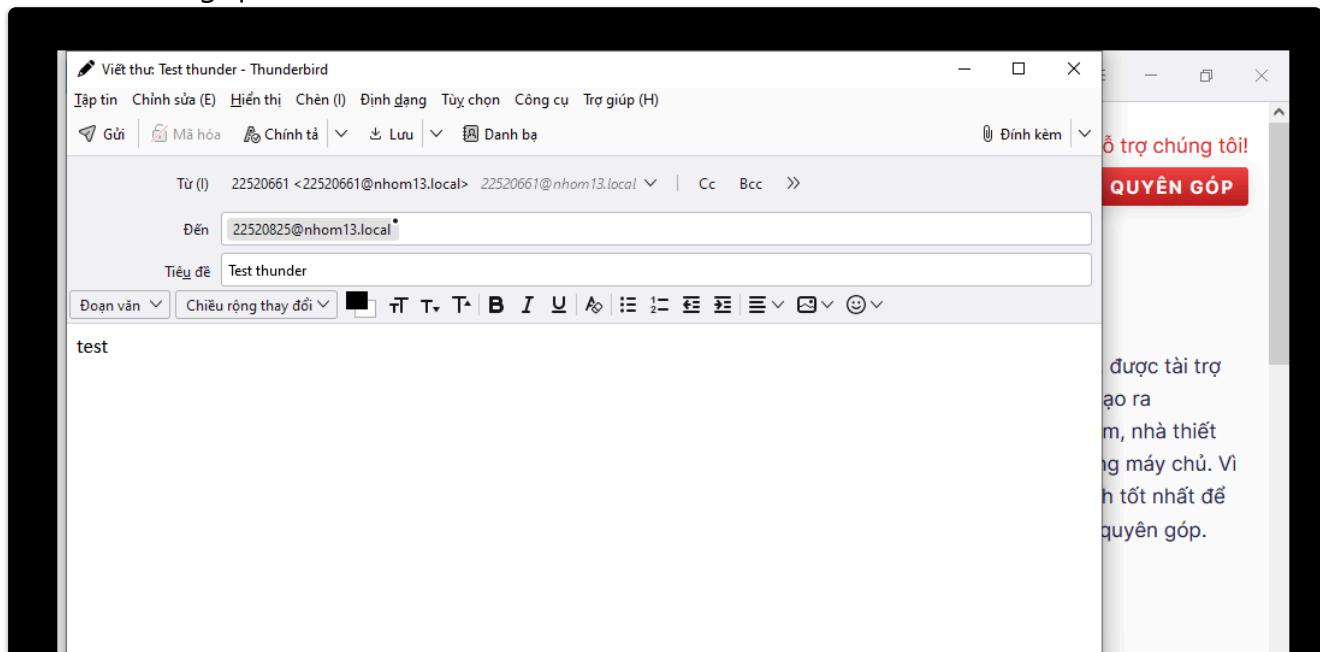
Gửi mail và nhận được mail giữa các account

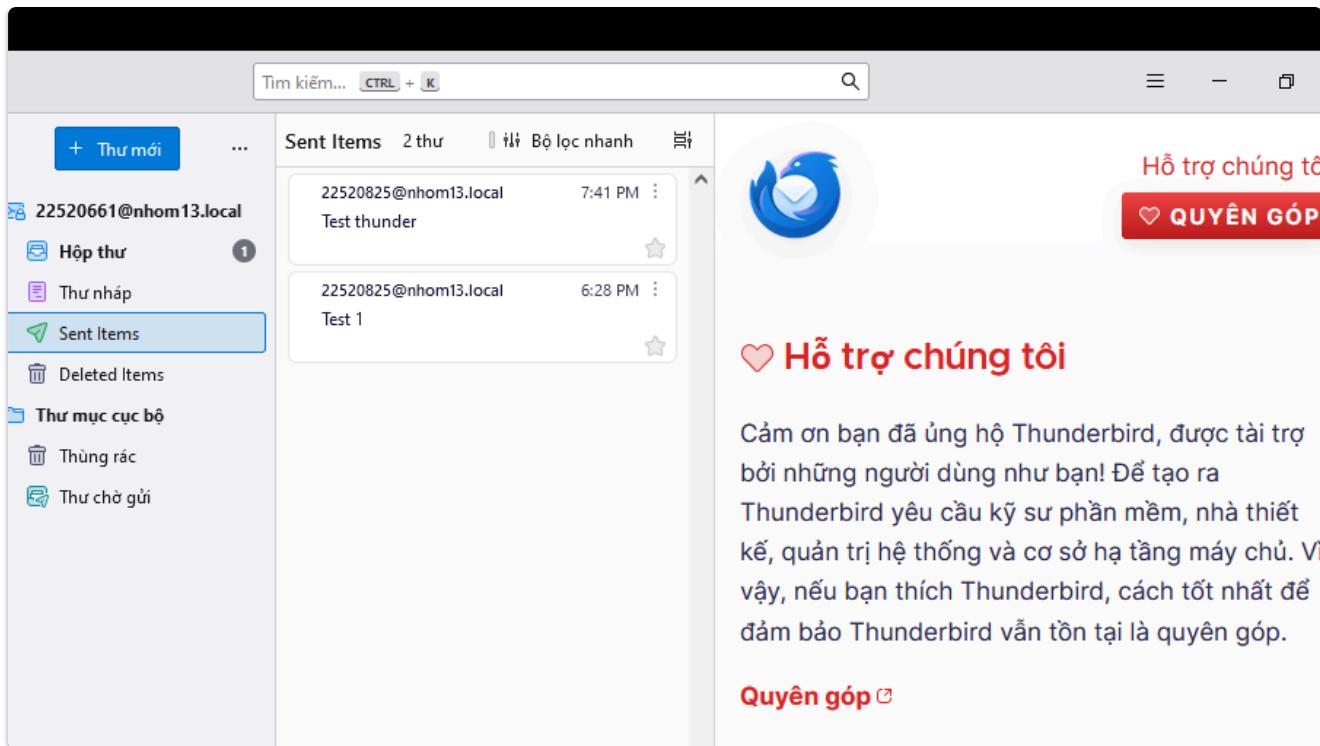


## Thiết lập thành công trên ThunderBird



## Gửi mail thông qua ThunderBird





## Nhận được mail

The screenshot shows the MDaemon Webmail interface. The left sidebar includes links for EMAIL, CALENDAR, CONTACTS, TASKS, NOTES, DOCS, and VOICE. The main area is titled "Mail" and shows the "Inbox" with 3 messages. The messages are:

- 22520661 Test thunder (7:41 pm, 1k)
- 22520661 Test 1 (6:28 pm, 2k)
- MDaemon at mail.... Welcome to the MDae... (6:21 pm, 5k)

A message on the right side says "Select a message to view it here." with an envelope icon.

(1) MDaemon Webmail - 22520825 | thunderbird - Search | Thank You! — Thunderbird | + - ×

Not secure | mail.nhom13.local:3000/WorldClient.dll?Session=HTNOW4HFFH5Q...

MDaemon®

EMAIL CALENDAR CONTACTS TASKS NOTES DOCS VOICE

+ New Email

Mail

Saved Searches

Personal

Inbox 3

Drafts

Sent Items

Deleted Items

search

view all (3) ▾

more ▾

22520661 Test thunder 7:41 pm 1k

22520661 Test 1 6:28 pm 2k

MDaemon at mail.... Welcome to the MDae... 6:21 pm 5k

Select a message to view it here.